



HƯỚNG TỚI MỘT MÔI TRƯỜNG KINH DOANH MINH BẠCH VÀ THUẬN LỢI

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam trên mạng www.vibonline.com.vn được phát triển và quản lý bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhằm góp phần hình thành một môi trường pháp lý kinh doanh thuận lợi và minh bạch cho doanh nghiệp

VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ban Pháp chế

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội
Điện thoại: 04 35770632, Fax: 04 35771459
Email: xdphapluat@vcci.com.vn
Website: www.vibonline.com.vn

Chuyên đề DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

là ấn phẩm của
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Mục **Hoạt động nổi bật:** Những bình luận/ góp ý chính sách cơ bản trong một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có tác động rất lớn tới cộng đồng doanh nghiệp và những kiến nghị để giải quyết khó khăn của doanh nghiệp

Mục **Điểm tin:**

- Danh mục 157 dự thảo VBQPPL mà VCCI đã có ý kiến chính thức bằng công văn
- Danh mục các dự thảo VBQPPL mà VCCI tham gia soạn thảo/ biên tập, thẩm định/ thẩm tra

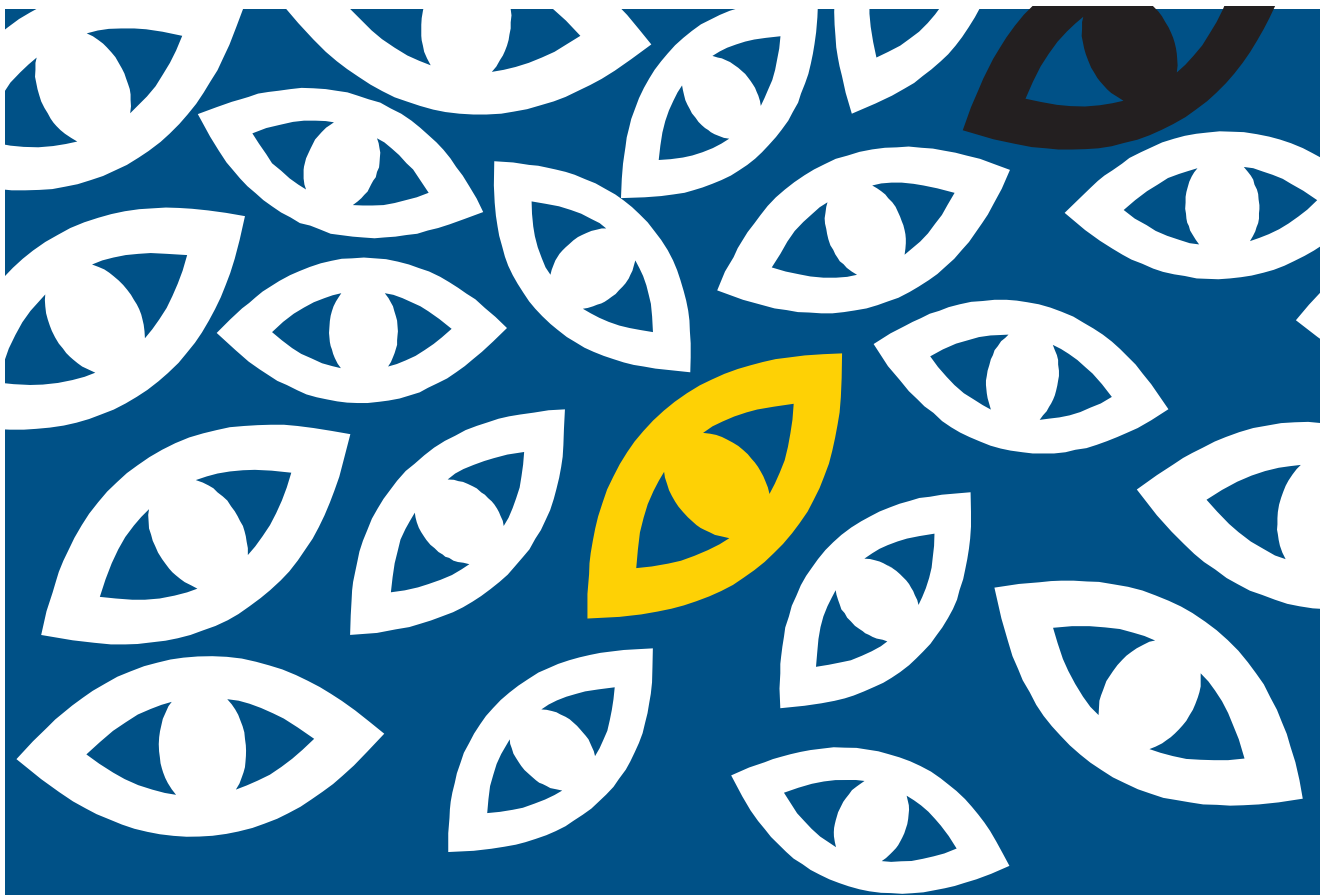
Mục **Top ten Regulations:** Một số thông tin tổng quan

VCCI hy vọng đây sẽ là tài liệu hữu ích đối với các doanh nghiệp, hiệp hội, cơ quan, nhà nghiên cứu và các độc giả khác. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được quan tâm của Quý độc giả tới các hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật của VCCI.

Thiết kế đồ họa: thaidung85@gmail.comz

In ấn tại: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Tú

Giấy phép xuất bản: 59/GP-XBBT ngày 12/10/2015



Cuộc bình chọn Các quy định pháp luật tốt nhất và chưa tốt Top ten Regulations

topten
REGULATIONS

Top ten Regulations là một cuộc bình chọn của cộng đồng doanh nghiệp đối với các quy định pháp luật về kinh doanh đang còn hiệu lực, được ban hành bởi các cơ quan nhà nước cấp trung ương từ 2011 đến 2015.

Top ten Regulations do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sáng kiến và chủ trì thực hiện với sự hỗ trợ của Dự án Hỗ trợ Tái cơ cấu kinh tế nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (RCV).

Kết quả bình chọn là sự ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp đối với những nỗ lực từ các cơ quan nhà nước trong việc làm cho môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi hơn từ những quy định tốt, đồng thời cảnh báo về những quy định đang cản trở một cách bất hợp lý đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Đây sẽ là gợi ý cho các cơ quan nhà nước nhìn nhận lại các quy định và tiến hành rà soát, đánh giá để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đồng thời xác định những tiêu chí để xây dựng các quy định một cách hiệu quả.

Top ten Regulations được thực hiện nhằm các mục đích cụ thể sau:

- Cổ vũ, biểu dương các quy định pháp luật có chất lượng, tác động tốt
- Cảnh báo về các quy định có ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp và nền kinh tế
- Đưa ra các kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật tối
- Góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chí để đánh giá chất lượng chính sách, chất lượng quy pháp luật
- Trao quyền, tạo ra diễn đàn để các doanh nghiệp đóng góp, giám sát quá trình xây dựng, sửa đổi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước.

THÔNG TIN VỀ TOP TEN REGULATIONS: VUI LÒNG XEM WEBSITE
www.topten.vibonline.com.vn

Hoặc liên hệ với chúng tôi:

BAN PHÁP CHẾ, VCCI

Điện thoại: 04 35746983/ 04 35770632

Email: xdphapluat@vcci.com.vn/ xdphapluat.vcci@gmail.com

 <http://www.facebook.com/binhchonquydingh/>

CHUYÊN ĐỀ

DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

4 HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

Kiến nghị đối với Điều 292 Bộ luật Hình sự năm 2015

Rà soát Bộ luật hình sự 2015

Góp ý Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục 4 Luật đầu tư về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

34..... ĐIỂM TIN

Danh mục 157 dự thảo VBQPPL mà VCCI đã có ý kiến chính thức bằng công văn

Danh mục các dự thảo VBQPPL mà VCCI tham gia soạn thảo/ biên tập, thẩm định/ thẩm tra

50..... TOP TEN REGULATIONS

Một số thông tin tổng quan

Toàn văn các Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và tài liệu liên quan, ý kiến góp ý và bình luận, các sự kiện đã và sắp diễn ra được đăng tải tại trang web của VCCI tại địa chỉ www.vibonline.com.vn



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BAN PHÁP CHẾ

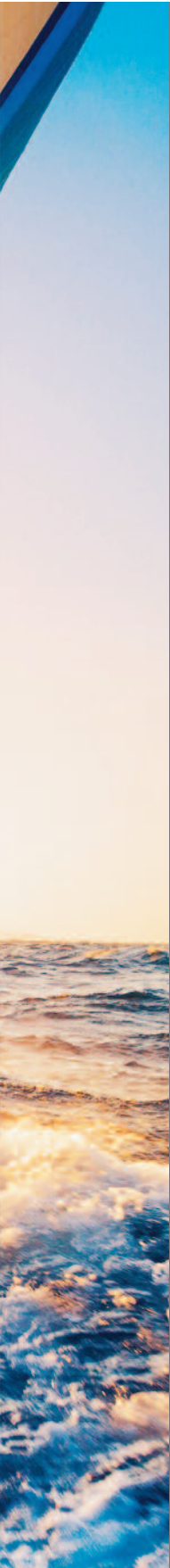
Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

ĐT: 04 35770632, Fax: 04 35771459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn

Website: www.vibonline.com.vn





HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

Kiến nghị đối với **Điều 292** Bộ luật hình sự năm 2015

❖ YẾU TỐ HÀNH VI

Điều 292 của Bộ luật hình sự quy định tội phạm đối với các hành vi cung cấp dịch vụ trên mạng máy tính, mạng viễn thông mà không có giấy phép hoặc không đúng nội dung được cấp phép.

[Thế nào là giấy phép?]

Trong các loại hình dịch vụ được liệt kê tại Điều 292, có một số loại được pháp luật quy định phải có giấy phép kinh doanh, một số loại lại yêu cầu đăng ký cung cấp dịch vụ. *Cụ thể:*

- Kinh doanh vàng tài khoản được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp giấy phép theo quy định của Nghị định 24/2012/NĐ-CP về kinh doanh vàng;
- Sàn giao dịch thương mại điện tử phải đăng ký theo quy định của Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử;
- Kinh doanh đa cấp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Nghị định 45/2014/NĐ-CP về kinh doanh đa cấp;

- Dịch vụ trung gian thanh toán thì phải xin Giấy phép của NHNN theo quy định tại Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt;
- Trò chơi điện tử loại G1 phải thực hiện thủ tục xin phép, các trò chơi điện tử loại G2, G3, G4 thì thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP về dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
- Dịch vụ trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải được cấp Giấy phép theo quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP;
- Dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông phải thực hiện đăng ký theo quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP.

Như vậy, cụm từ "không có giấy phép hoặc không đúng nội dung được cấp phép" tại có thể được hiểu theo 2 cách khác nhau:

- 1/ chỉ bao gồm các dịch vụ phải xin phép, gồm vàng tài khoản, trung gian thanh toán, trò chơi điện tử loại G1, trang thông tin điện tử, mạng xã hội; hoặc
- 2/ toàn bộ các dịch vụ nêu trên.

[Kinh doanh vàng trên tài khoản]

Bản chất của việc kinh doanh vàng trên tài khoản là việc tham gia vào một sở giao dịch hàng hóa với đối tượng hàng hóa là vàng hoặc hàng hóa phái sinh của giá vàng. Mối quan hệ này gồm 3 bên, gồm:

- 1/ sở giao dịch vàng;
- 2/ đơn vị đại lý trung gian nhận lệnh; và
- 3/ nhà đầu tư (hay còn gọi là người chơi).

Trên thực tế, Việt Nam chưa bao giờ có sở giao dịch vàng do quy mô thị trường quá nhỏ (thời gian qua có một số đề nghị thành lập sàn vàng quốc gia, thực chất là sở giao dịch vàng quốc gia). Trong vài năm trước đây, báo chí thường phản ánh các vụ việc sàn vàng tại Việt Nam nhưng thực chất đây chỉ là các đơn vị đại lý trung gian nhận lệnh cho các sở giao dịch vàng (sàn vàng) trên thế giới. Trước năm 2010, một số ngân hàng thương mại (NHTM) được NHNN cho phép kinh doanh dưới hình thức này tại Việt Nam. Ngoài ra, người chơi có thể tham gia các sàn vàng quốc tế thông qua một số doanh nghiệp tại Việt Nam làm chức năng đại lý nhận lệnh giúp quản lý tài khoản, hướng dẫn nhà đầu tư... Việc tham gia sàn vàng thế giới thông qua các NHTM được cho là an toàn hơn so với các doanh nghiệp khác, vì hệ thống quản lý nội bộ và trách nhiệm đối với nhà đầu tư của các NHTM được bảo đảm.

Hoạt động đầu tư vàng tài khoản khi đó thực chất là tham gia vào sàn vàng nằm tại nước ngoài, NHTM và các doanh nghiệp Việt Nam chỉ nhận phí dịch vụ trên các giao dịch. Hàng hóa lại không phải vàng vật chất mà chỉ là giá vàng, một loại hàng hóa phái sinh, không trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng. Do sử dụng đòn bẩy tài chính lớn (thường là 1:100) nên rất hấp dẫn, lượng tiền đổ vào thị trường này (và có thể được chuyển ra nước ngoài) rất lớn.

Trước tình hình đó, năm 2010, NHNN thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư 01/2010/TT-NHNN chính thức cấm việc kinh doanh vàng trên tài khoản nước ngoài. Nghị định 24/2012/NĐ-CP cũng quy định: "Tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh vàng khác sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép và được NHNN cấp Giấy phép." Cho đến nay, Thủ tướng và NHNN chưa cho phép bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào kinh doanh vàng trên tài khoản.

Hiện nay, Nghị định 96/2014/NĐ-CP, khoản 7 Điều 25 quy định xử phạt 450 – 500 triệu đồng đối với hành vi kinh doanh vàng khác (bao gồm cả vàng tài khoản) mà chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép. Tuy nhiên, do nhu cầu đầu tư của nhà đầu tư vẫn rất lớn nên nhiều người vẫn bất chấp lệnh cấm mà đứng ra làm đại lý cho sàn vàng nước ngoài. Do đây là các hoạt động "nằm ngoài vòng pháp luật" nên quyền lợi của nhà đầu tư không được bảo đảm, đã có nhiều kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhà đầu tư bị lừa chiếm đoạt tài sản. Lúc này, các cơ quan công an đã vào cuộc và truy cứu những người làm đại lý cho sàn vàng nước ngoài với Tội kinh doanh trái phép, một số trường hợp bị truy cứu thêm về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi Tội kinh doanh trái phép được bỏ đi, hành vi kinh doanh vàng tài khoản được đưa vào Điều 292.

Hành vi kinh doanh vàng tài khoản có mức độ rủi ro rất cao, do bên cung cấp dịch vụ rất dễ thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhà đầu tư thông qua các biện pháp kỹ thuật khó phát hiện. Tuy nhiên, xét về bản chất, việc xếp hành vi này vào Điều 292 (tội phạm về mạng) là chưa thực sự hợp lý.

Bản chất và lý do khiến cho nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh vàng tài khoản có thể dễ dàng chiếm đoạt tài sản của người chơi xuất phát từ việc người chơi phải nộp tiền cho nhà cung cấp dịch vụ để mở tài khoản, thực hiện việc mua bán trên tài khoản đó và có thể rút tiền trên tài khoản đó. Bản chất này không chỉ xuất hiện ở sàn vàng mà xuất hiện ở mọi loại hình kinh doanh theo phương thức "sở giao dịch hàng hóa" được quy định trong Luật thương mại. Sở giao dịch hàng hóa (bao gồm cả hàng hóa vật chất và phái sinh) là dạng thị trường mà nhà đầu tư phải bỏ tài sản (tiền hoặc hàng) vào tài khoản để thực hiện việc mua bán. Lưu ý, sở giao dịch chứng khoán cũng là một dạng sở giao dịch hàng hóa với hàng hóa ở đây là chứng khoán. Hiện nay, Việt Nam đã có 2 sở giao dịch hàng hóa (là nông sản) được cấp phép nhưng hầu như không thu hút được nhà đầu tư. Không ít nhà đầu tư Việt Nam vẫn đang thông qua các NHTM, tham gia các sở giao dịch hàng hóa trên thế giới, nhưng do các loại hàng hóa khác không hấp dẫn bằng vàng nên không gây cơn sốt.

Việc tham gia sở giao dịch hàng hóa có thể được thực hiện trên mạng (nhà đầu tư có username và password để truy cập từ máy tính cá nhân và đặt lệnh), nhưng cũng có thể được thực hiện thủ công tại trụ sở của sàn.

Hình thức tham gia, điện tử hay thủ công, không làm thay đổi bản chất của việc nhà đầu tư giao dịch qua tài khoản và từ đó dẫn đến nguy cơ lừa đảo.

Do đó, đối với việc xử lý hành vi kinh doanh vàng tài khoản, phù hợp hơn sẽ là một thiết kế một tội danh riêng dành cho các sở giao dịch hàng hóa (trừ chứng khoán). Nếu cần thiết, có thể quy định hàng hóa là vàng như một tình tiết tăng nặng.

[Sàn giao dịch thương mại điện tử]

Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định: "Sàn giao dịch thương mại điện tử là website thương mại điện tử cho phép các thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu website có thể tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên đó." Nghị định này cũng quy định: "Các hình thức sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm: (1) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng trên đó để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (2) Website cho phép người tham gia được lập các website nhánh để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (3) Website có chuyên mục mua bán trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ; (4) Các loại website khác do Bộ Công Thương quy định." Ngoài ra, Điều 36 của Nghị định 52 yêu cầu tất cả các website cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử đều phải đăng ký. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi này hiện được quy định tại Điều 81, Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 124/2015/NĐ-CP) với mức phạt từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Các sàn giao dịch thương mại điện tử (TMĐT) tương đối đa dạng. Một số sàn đơn giản chỉ cho phép người tham gia đăng tin mua bán hoặc trưng bày giới thiệu sản phẩm, các công đoạn chính của giao dịch như giao hàng, thanh toán vẫn được thực hiện thủ công. Một số sàn giao dịch TMĐT khác còn trợ giúp các bên thanh toán thông qua tài khoản ngân hàng. Cao cấp hơn là một số sàn giao dịch TMĐT cho phép người tham gia nộp tiền vào một tài khoản có sẵn, thực hiện mua bán hàng hóa, dịch vụ thông qua tài khoản đó, và có thể rút tiền ra khỏi tài khoản. Loại hình thứ ba này cũng tương tự như sở giao dịch hàng hóa và Nghị định 52 cũng đã quy định sàn giao dịch TMĐT này phải xin phép và tuân thủ pháp luật về sở giao dịch hàng hóa (quy định tại Nghị định 158/2006/NĐ-CP về Sở giao dịch hàng hóa).

Trong các loại hình sàn giao dịch TMĐT nói trên, chỉ có loại thứ ba, tương tự như sở giao dịch hàng hóa mới có nguy cơ cao của các hành vi chiếm đoạt tài sản. Điều này xuất phát từ bản chất của sở giao dịch hàng hóa như đã phân tích ở trên. Các loại sàn giao dịch thương mại điện tử khác có mức độ nguy hiểm thấp hơn rất nhiều và nếu có vi phạm thì đã được xử lý tại các tội danh khác của Bộ luật Hình sự. Ví dụ, hành vi lợi dụng website thương mại điện tử để đánh cắp tiền từ tài khoản ngân hàng của người dùng đã được quy định tại Điều 290 của Bộ luật Hình sự. Hành vi cung cấp hàng cấm, hàng giả, hàng nhái hoặc các hành vi gian lận khác để lừa dối người dùng cũng đã được quy định tại nhiều tội danh khác. Do đó, cần phân biệt rõ các loại sàn giao dịch thương mại điện tử và có chính sách hình sự áp dụng khác nhau.

[Kinh doanh đa cấp]

Hoạt động kinh doanh đa cấp (không phân biệt trên mạng hay không) được quản lý thông qua Nghị định 45/2014/NĐ-CP về bán hàng đa cấp. Nghị định này quy định các doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải đăng ký trước khi thực hiện hoạt động kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh đa cấp mà không thực hiện thủ tục đăng ký thì bị phạt từ 30 triệu đến 50 triệu theo quy định tại Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

Cuối năm 2012, khi Bộ Công Thương soạn thảo Nghị định về thương mại điện tử (sau này là Nghị định 52/2013/NĐ-CP) đã phối hợp với VCCI tổ chức một cuộc hội thảo để lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về dự thảo này. Dự thảo khi đó đã có quy định: Cấm bán hàng đa cấp trên mạng (thương mại điện tử). Các ý kiến góp ý tại Hội thảo cho rằng hành vi bán hàng đa cấp chính đáng không phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hoàn toàn hợp pháp và là một kênh phân phối hàng hóa bình thường. Chỉ có các hành vi kinh doanh đa cấp bất chính thì mới gây tác hại cho xã hội và cần được xử lý. Sau đó, Nghị định 52 đã sửa lại thành: "Cấm tổ chức mạng lưới kinh doanh, tiếp thị cho dịch vụ thương mại điện tử, trong đó mỗi người tham gia phải đóng một khoản tiền ban đầu để mua dịch vụ và được nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc vận động người khác tham gia mạng lưới;" Nói cách khác, Nghị định 52 chỉ cấm hành vi kinh doanh đa cấp bất chính trên mạng, còn việc kinh doanh đa cấp chính đáng trên mạng vẫn hợp pháp. Đi kèm với



đó, Nghị định 124/2015/NĐ-CP cũng có quy định phạt tiền từ 40 triệu đến 50 triệu đối với hành vi tổ chức mạng lưới kinh doanh, tiếp thị cho dịch vụ thương mại điện tử trong đó mỗi người tham gia phải đóng một khoản tiền ban đầu để mua dịch vụ và được nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc vận động người khác tham gia mạng lưới.

Như vậy, Điều 292 của Bộ luật hình sự đã mở rộng hơn nhiều so với quy định cấm của Nghị định 52. Điều 292 xử lý cả những trường hợp kinh doanh đa cấp trên mạng chính đáng, mà không hề giới hạn lại các hành vi kinh doanh đa cấp trên mạng bất chính. Việc xác định như thế nào là kinh doanh đa cấp bất chính có thể dựa vào Điều 5 của Nghị định 52, quy định về các hành vi bị cấm trong kinh doanh đa cấp.

[Trung gian thanh toán]

Việc cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán được quy định tại Nghị định 101/2012/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định 80/2016) và Thông tư 39/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán. Theo đó, các ngân hàng thương mại được mặc nhiên cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức khác thì phải được NHNN cấp giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Như vậy, Điều 292 chỉ có thể

áp dụng cho các tổ chức ngoài ngân hàng có cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán. Nghị định 96/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng quy định phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán không đúng quy định của pháp luật.

Thông tư 39/2014/TT-NHNN quy định dịch vụ trung gian thanh toán bao gồm:

- 1/ Dịch vụ cung ứng hạ tầng thanh toán điện tử, gồm:
 - a) Dịch vụ chuyển mạch tài chính;
 - b) Dịch vụ bù trừ điện tử;
 - c) Dịch vụ cổng thanh toán điện tử;
- 2/ Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ thanh toán, gồm:
 - a) Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ;
 - b) Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử;
 - c) Dịch vụ Ví điện tử.

Trong các dịch vụ đó, chỉ duy nhất dịch vụ Ví điện tử là phát sinh hoạt động mở một tài khoản thanh toán (nằm ngoài tài khoản ngân hàng) cho khách hàng có lưu giữ giá trị tiền tệ. Các dịch vụ khác được cung cấp cho ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính nên khả năng xảy ra lừa đảo rất thấp, và có thể được giải quyết bằng



con đường dẫn sự giữa đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và ngân hàng.

Như vậy, trong các dịch vụ trung gian thanh toán, thì chỉ duy nhất dịch vụ Ví điện tử được xếp vào hành vi có "nguy cơ cao". Tuy nhiên, dịch vụ ví điện tử có đặc tính mạng lưới (network), theo đó dịch vụ này chỉ có thể thành công nếu có số lượng người dùng đủ lớn bao gồm cả bên thanh toán và bên nhận thanh toán. Để đạt được điều này, bên cung cấp dịch vụ ví điện tử phải thực hiện việc quảng bá rộng rãi và rất khó để họ không bị NHNN xử phạt hành chính nếu chưa làm thủ tục xin phép. Nói cách khác, thông qua công cụ giám sát của NHNN là đủ để ngăn chặn hành vi kinh doanh dịch vụ ví điện tử mà không có giấy phép.

[Trò chơi điện tử trên mạng]

Nghị định 72/2013/NĐ-CP quy định "Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (gọi tắt là dịch vụ trò chơi điện tử) là việc cung cấp cho người chơi khả năng truy nhập vào mạng và chơi các trò chơi điện tử trên mạng." Các trò chơi điện tử theo Nghị định 72 chia thành G1, G2, G3, G4; cụ thể: G1 là trò chơi điện tử có sự tương tác giữa nhiều người chơi với nhau đồng thời thông qua hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp; G2 là trò chơi điện tử chỉ có sự tương tác giữa người chơi với hệ thống máy chủ trò chơi của doanh

nh nghiệp; G3 là trò chơi điện tử có sự tương tác giữa nhiều người chơi với nhau nhưng không có sự tương tác giữa người chơi với hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp; G4 là trò chơi điện tử được tải về qua mạng, không có sự tương tác giữa người chơi với nhau và giữa người chơi với hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp. Trò chơi G1 phải thực hiện thủ tục xin phép, còn các trò chơi còn lại phải thực hiện thủ tục đăng ký. Mức phạt hành chính đối với việc không đăng ký trò chơi G2, G3, G4 là 50 triệu đến 70 triệu đồng, và phạt 70 triệu đến 100 triệu đồng đối với việc không xin phép dịch vụ trò chơi G1.

Trước đây, khi điện thoại thông minh (smart phone) chưa phổ biến như hiện nay, người dùng thường chơi games trên máy vi tính hoặc các thiết bị chơi games đặc chủng như PlayStation hoặc Wii. Để có thể phát hành games và có được doanh thu, các doanh nghiệp phải tốn nhiều công sức cho việc lập trình hoặc mua bản quyền games từ nước ngoài. Việc quảng bá, giới thiệu games đến cho người chơi cũng tốn kém hơn do các hãng lúc đó kiếm doanh thu bằng cách bán games (thay vì quảng cáo hoặc bán đồ chơi games như hiện nay).

Khi điện thoại thông minh trở nên phổ biến, các games được thiết kế cho điện thoại trở nên đơn giản hơn, khối lượng lập trình giảm. Việc quảng bá cũng dễ dàng hơn nhờ các kho ứng dụng khổng lồ. Người phát hành



Kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên mạng Internet là hướng đi phát triển bắt buộc của cả thế giới, không chỉ nói riêng Việt Nam.

Việc bỏ hình sự hóa kinh doanh trái phép đối với hầu hết những ngành nghề cổ điển, truyền thống, nhưng vẫn hình sự hóa đối với những lĩnh vực công nghệ mới là một bước đi lùi.

cũng dễ dàng thu tiền thông qua việc cho thuê quảng cáo hoặc mời người chơi mua hàng trong games (in-app purchase). Điều này kéo theo sự thay đổi trong thị trường games mà quy định bắt buộc phải xin phép trước không còn phù hợp, bởi các lý do sau:

- *Thứ nhất*, một cá nhân đơn lẻ cũng có thể sản xuất và phát hành games với chi phí rất thấp;
- *Thứ hai*, tỷ lệ các games không thành công, ít người chơi rất cao, đổi lại thì games nào mà thành công thì lại có rất nhiều người chơi;
- *Thứ ba*, doanh thu từ games cũng biến động rất lớn, đặc biệt là đến từ quảng cáo;
- *Thứ tư*, các bên trung gian phát hành games (app store) cũng đã có các chính sách loại bỏ những games có nội dung không lành mạnh dựa vào phản hồi của người dùng và tự kiểm duyệt.

[Các loại dịch vụ khác trên mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định của pháp luật]

Hiện nay có 3 dạng dịch vụ trên mạng máy tính, mạng viễn thông phải xin phép/đăng ký, bao gồm:

- Trang thông tin điện tử tổng hợp (không có phát hành tin mới). Nếu phát hành tin thì gọi là báo điện tử và quản lý theo pháp luật báo chí;

- Mạng xã hội, bao gồm cả diễn đàn hoặc bất kể các website, ứng dụng nào có chức năng trao đổi, tương tác giữa người dùng với nhau. Lưu ý, nếu website thương mại điện tử, trò chơi điện tử trên mạng cho phép các thành viên trao đổi với nhau thì cũng được coi là mạng xã hội và phải xin Giấy phép mạng xã hội;
- Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông (nhắn tin đầu số).

Trong đó, trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội thì phải có Giấy phép, còn cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng thì phải đăng ký. Mức phạt cho các hành vi cung cấp các dịch vụ trên không có giấy phép, không thực hiện đúng giấy phép ở các mức từ 5 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Điều 292 sử dụng từ "các loại dịch vụ khác" là không phù hợp vì nó sẽ cho phép các bộ ngành có thể quy định thêm "tội mới" trong Bộ luật Hình sự, mỗi khi ban hành thêm một quy định yêu cầu một loại dịch vụ trên mạng nào đó phải xin cấp phép. Ví dụ, các dịch vụ thư điện tử, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ tìm kiếm, tra cứu, dịch vụ giải trí như xem phim, nghe nhạc... Nếu Bộ ngành nào quy định thêm các dịch vụ này phải xin phép thì đồng nghĩa với việc mở rộng các hành vi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

❖ YẾU TỐ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ

Điều 292 xác định yếu tố địa điểm, phương pháp, công cụ phạm tội là trên mạng máy tính, mạng viễn thông. Đây có lẽ là tội danh rất đặc biệt của Bộ luật Hình sự do yếu tố không gian phạm tội được coi là yếu tố chính để phân biệt với các tội khác. Trong 6 hành vi được liệt kê tại Điều 292, nhiều hành vi chỉ có thể thực hiện trên nền tảng mạng máy tính, mạng viễn thông như thương mại điện tử, trung gian thanh toán, trò chơi điện tử trên mạng, các dịch vụ khác trên mạng. Song, vẫn có 2 hành vi có thể được thực hiện không nhất thiết trên mạng là kinh doanh đa cấp và kinh doanh vàng tài khoản (về lý thuyết, vẫn có thể kinh doanh vàng tài khoản thông qua đặt lệnh trực tiếp tại sàn mà không cần mạng máy tính). Do đó, việc phân biệt hành vi như Điều 292 sẽ khiến các doanh nghiệp nảy sinh câu hỏi: Vì sao chính sách hình sự của nhà nước lại phân biệt đối xử giữa kinh doanh trên mạng và kinh doanh không trên mạng.

Lĩnh vực công nghệ thông tin đang là hướng phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp làm trong lĩnh vực này như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Lĩnh vực công nghệ thông tin và sản phẩm phần mềm không yêu cầu vốn đầu tư lớn về cơ sở vật chất, mà chủ yếu là các yếu tố về nguồn nhân lực. Do đó, đây được coi là hướng đi có triển vọng của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập. Điều 292 được nhiều người ví là "tội kinh doanh trái phép được chuyển lên mạng" đã tạo không ít tâm lý lo lắng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cũng như nhiều doanh nghiệp khác có sử dụng mạng viễn thông, mạng máy tính trong hoạt động kinh doanh của mình.

Điều 292 tác động rất lớn đến việc kinh doanh các dịch vụ trên mạng tại Việt Nam hiện nay, bởi điều luật này đã hình sự hóa nhiều hành vi vốn chỉ nên xử lý hành chính, ví dụ như cung cấp trò chơi điện tử trên mạng mà không có giấy phép. Thực tế, điều luật này không phù hợp với cách thức kinh doanh trong lĩnh vực thông tin, đặc biệt là các dịch vụ mới, các startups. Đối với các startups trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phương pháp kinh doanh thường có các đặc điểm sau:

- Làm ra sản phẩm thử nghiệm (có thể là website, ứng dụng, trò chơi...). Sản phẩm này được cung cấp thử nghiệm cho người dùng và nghiên cứu phản hồi của người dùng;
- Tỷ lệ thành công rất nhỏ, nhưng đổi lại là nếu thành công thì mang lại lợi nhuận lớn;
- Sau khi thử nghiệm sản phẩm mà có thành công bước đầu, nhà sáng lập mới bắt đầu tính đến việc đầu tư sâu hơn nhằm thương mại hóa sản phẩm như quảng cáo để thu hút thêm người dùng, bán quảng cáo trên sản phẩm của mình... trong đó bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục pháp lý;
- Điều này có được phải đi kèm với chi phí gia nhập thị trường thấp. Nếu chi phí gia nhập thị trường tăng cao thì số lượng các sản phẩm được làm ra sẽ giảm mạnh. Không ai bỏ tiền đi đăng ký, xin phép cho một sản phẩm mà có thể sẽ phải vứt bỏ hoàn toàn trong vài tuần tới. Việc yêu cầu sản phẩm phải đăng ký/cấp phép chính là việc làm gia tăng chi phí gia nhập thị trường từ đó cản trở đáng kể ngành này.

Do đó, các quy định về yêu cầu cấp phép ban đầu không phù hợp để quản lý trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

❖ YẾU TỐ ĐỘNG CƠ, MỤC ĐÍCH VÀ YẾU TỐ HẬU QUẢ

Điều 292 không phân biệt về động cơ và mục đích của việc phạm tội và cũng xử lý cả trường hợp người phạm tội có doanh thu (mà không chỉ dừng lại ở thu lợi bất chính). Đây cũng là một đặc thù vì nhiều điều luật khác liên quan đến mạng viễn thông, mạng internet luôn có yếu tố động cơ mục đích. Ví dụ, Điều 290 nhắm vào các hành vi có động cơ chiếm đoạt tài sản, Điều 291 nhắm vào các hành vi có yếu tố thu lợi bất chính (chứ không phải chỉ là có doanh thu). Như vậy, Điều 292 đã có phạm vi xử lý rộng hơn nhiều so với các Tội danh khác.

Điều 292 đã quy định quá rộng khi xử lý hình sự ngay cả hành vi kinh doanh có nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội thấp. Điều 292 xử lý hành vi "cung cấp một trong các dịch vụ sau đây trên mạng máy tính, mạng viễn thông không có giấy phép hoặc không đúng nội dung được cấp phép". Nếu chỉ cần điều chỉnh cách tiếp cận thành "không làm thủ tục xin phép hoặc điều

chính giấy phép trước khi cung cấp một trong các dịch vụ sau đây trên mạng máy tính, mạng viễn thông" thì sẽ thấy ngay đây chỉ nên bị xử lý hành chính vì đã thiếu sót về làm thủ tục hành chính. Do đó, có thể nói Điều 292 đã hình sự hóa một vi phạm hành chính, tương tự như hành vi kinh doanh mà không đăng ký kinh doanh trong Tội kinh doanh trái phép của Bộ luật hình sự năm 1999.

❖ YẾU TỐ CHỦ THỂ

[Phân biệt cá nhân và pháp nhân]

Điều 292 chỉ xử lý trách nhiệm hình sự đối với cá nhân mà không xử lý đối với pháp nhân phạm tội. Trong khi đó, các loại giấy phép kinh doanh được liệt kê ở trên lại chủ yếu được cấp cho các pháp nhân là các doanh nghiệp. Việc quyết định kinh doanh không phép có thể là một quyết định của một hội đồng quản trị của công ty nhiều thành viên, thậm chí 7-9 thành viên. Điều này có thể sẽ gây khó khăn cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự cá nhân.

[Phân biệt trong nước và nước ngoài]

Pháp luật về quản lý mạng internet hiện nay của Việt Nam quá chú trọng vào công tác tiền kiểm thông qua các quy định về đăng ký và cấp phép. Tuy nhiên, với đặc tính không biên giới, các quy định này hầu như không tác động đến các nhà cung cấp dịch vụ ở nước ngoài mà chỉ siết chặt hơn hoạt động của các doanh nghiệp của Việt Nam. Trên thực tế, hiện nay vẫn có rất nhiều các dịch vụ được liệt kê tại Điều 292 do các nhà cung cấp đặt tại nước ngoài mà không thể bị xử lý theo tội danh này. Ví dụ, người dùng Việt Nam vẫn có thể dễ dàng tải và chơi các games trên kho ứng dụng toàn cầu được sản xuất và phát hành bởi nhiều doanh nghiệp nước ngoài.

Do đó, pháp luật Việt Nam về quản lý mạng internet nói chung và Điều 292 nói riêng đã gây ra sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Vô hình chung, pháp luật của Việt Nam lại đang đóng cửa đối với doanh nghiệp trong nước và mở cửa cho doanh nghiệp nước ngoài. Hiện nay, đã xuất hiện một số trường hợp một số cá nhân người Việt, ra nước ngoài để thành lập doanh nghiệp nhằm cung cấp các

dịch vụ trên mạng viễn thông cho khách hàng chủ yếu tại Việt Nam.

❖ KIẾN NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

VCCI đề nghị điều chỉnh các nội dung có liên quan đến Điều 292 trong Bộ luật Hình sự theo hướng như sau:

- *Thứ nhất, bãi bỏ* Điều 292 trong Bộ luật Hình sự và phi hình sự hóa các hành vi cung cấp dịch vụ không có/không đúng giấy phép đối với (1) sàn giao dịch thương mại điện tử; (2) trò chơi điện tử trên mạng; (3) trung gian thanh toán; (4) các dịch vụ khác, bao gồm trang thông tin điện tử, mạng xã hội, dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông.
- *Thứ hai, bổ sung thêm* tội danh mới về các hành vi vi phạm quy định về sở giao dịch hàng hóa (trừ chứng khoán). Tội danh này sẽ bao gồm việc xử lý đối với hành vi cung cấp dịch vụ kinh doanh vàng tài khoản và website hoạt động theo phương thức sở giao dịch hàng hóa.
- *Thứ ba, bổ sung tội danh về kinh doanh đa cấp bất chính.* Tội danh này sẽ bao gồm cả hành vi kinh doanh đa cấp bất chính trên mạng.



RÀ SOÁT

Bộ luật hình sự năm 2015

I Vấn đề hình sự hóa quan hệ dân sự kinh tế

Trước tiên phải khẳng định, việc quy định và trừng phạt các tội phạm kinh tế là cần thiết để duy trì một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, giúp loại bỏ các hành vi gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hay gây ô nhiễm môi trường.... gây thiệt hại cho xã hội. Nếu các biện pháp trừng phạt phù hợp không được áp dụng sẽ khiến các doanh nghiệp kinh doanh lành mạnh không thể cạnh tranh với các doanh nghiệp vi phạm, từ đó làm giảm tăng trưởng kinh tế, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của quốc gia. Do đó, việc xây dựng các tội danh kinh tế một cách minh bạch, hợp lý có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp Việt Nam.


Trong quá trình xây dựng các quy định của Bộ luật hình sự về các tội phạm liên quan đến doanh nghiệp và doanh nhân thì cần lưu ý tránh "hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế". Các quan hệ dân sự kinh tế để cập ở đây cần thỏa mãn các điều kiện gồm:

- 1/ có sự đồng thuận chung cả các bên tham gia;
- 2/ không bên nào bị đe dọa, cưỡng ép;
- 3/ các bên tham gia trên cơ sở thông tin đầy đủ, chính xác, không bên nào bị lừa dối, che giấu thông tin; và

4/ không làm thiệt hại đến quyền lợi của bên thứ ba. Đối với các trường hợp này, pháp luật nói chung nên hạn chế can thiệp, và Bộ luật hình sự nói riêng không nên "hình sự hóa".

Một số ý kiến thường nhầm lẫn cho rằng chỉ cần có quan hệ dân sự kinh tế, thể hiện thông qua các hợp đồng, thỏa thuận, thì không nên hình sự hóa. Tuy nhiên, nếu hợp đồng đó được quyết định khi một bên bị đe dọa, cưỡng bức, ép buộc thì không thể coi đó là lý do để không quy định tội phạm. Một trường hợp phổ biến hiện nay là khi một bên cố ý cung cấp thông tin sai lệch, hoặc cố ý im lặng để bên còn lại hiểu nhầm về hợp đồng, từ đó mà chấp nhận tham gia thì cũng không thể coi là quan hệ dân sự kinh tế một cách đúng nghĩa. Đối với những hành vi đó, nếu chúng diễn ra phổ biến hoặc có tác hại lớn đến xã hội thì có thể cần nhắc quy định trách nhiệm hình sự.

Với cách tiếp cận như vậy, VCCI cho rằng cần loại bỏ, phi hình sự hóa một số tội danh trong Bộ luật hình sự nếu các quan hệ dân sự, kinh tế thỏa mãn đầy đủ các điều kiện trên (các tội danh cụ thể được đề cập ở phần sau).



Việc quy định các tội phạm về kinh tế là cần thiết để duy trì một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, giúp loại bỏ các hành vi phản thị trường ra khỏi nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng Bộ luật hình sự cần hết sức tránh "hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế". Nếu việc gì các bên dân sự có thể tự thỏa thuận, xử lý được với nhau, không ai bị đe dọa, cưỡng ép hay lừa dối, cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba thì pháp luật hình sự không nên can thiệp.

Cần tôn trọng nguyên tắc của quan hệ dân sự kinh tế là "việc dân sự cốt ở đời bên".

I Quyết định hình phạt (Điều 50)

Một trong những mục đích quan trọng nhất của hình phạt là giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm (Điều 30, Bộ luật hình sự). Để cụ thể hóa mục đích này, cần xác định đặc điểm của các tội phạm trong lĩnh vực doanh nghiệp, doanh nhân là thường có mục tiêu chính là vì lợi nhuận, lợi ích kinh tế, thường được thực hiện bởi các cá nhân có trình độ, và cũng thường được tính toán, cân nhắc kỹ hơn so với các loại tội phạm khác. Ví dụ, một người trước khi thực hiện hành vi khai báo thuế sẽ tính toán lợi ích kinh tế thu được, mức chế tài xử lý khi bị phát hiện và dự liệu cả xác suất bị phát hiện khi phạm tội trốn thuế. Nếu "cái được" lớn hơn "cái mất" thì sẽ là động lực để cá nhân đó phạm tội và ngược lại.

Do đó, việc xác định hình phạt đối với tội phạm kinh tế dựa trên lợi ích kinh tế thu được từ hành vi phạm tội là rất quan trọng. Trong khi đó, theo Điều 50 của Bộ luật hình sự, việc quyết định hình phạt đối với một tội phạm dựa trên 4 yếu tố chính (1) quy định của Bộ luật hình sự; (2) tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; (3) nhân thân người phạm tội; và (4) các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng. Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ tại Điều 51 và 52 cũng không quy định về lợi ích kinh tế thu được từ hành vi.

Do đó, đề nghị sửa đổi Bộ luật như sau:

Thứ nhất, bổ sung yếu tố "lợi ích kinh tế thu được từ hành vi phạm tội" vào Điều 50 và Điều 83 của Bộ luật Hình sự. Yếu tố này sẽ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có thêm căn cứ để quyết định hình phạt một cách chính xác hơn, có tác dụng răn đe, giáo dục tốt hơn;

Thứ hai, bổ sung các yếu tố lợi ích kinh tế thu được từ hành vi phạm tội làm tình tiết tăng nặng tại các Điều 52 và Điều 85 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp yếu tố thu lợi bất chính đã được sử dụng để định khung thì sẽ không coi là tình tiết tăng nặng;

Thứ ba, nghiên cứu cân nhắc việc cho phép xác định hình phạt tiến theo phương pháp tương đối, tức là gấp nhiều lần số lợi bất chính thu được, đặc biệt đối với các hành vi ở khung cao nhất đối với các tội danh có quy định về số lợi bất chính làm căn cứ định tội, định khung.

I Nguồn của luật hình sự và phương pháp xây dựng Bộ luật hình sự

Pháp luật hình sự của Việt Nam chỉ cho phép các tội danh được thể hiện trong Bộ luật hình sự, mà không cho phép các đạo luật khác của Quốc hội quy định về tội phạm và hình phạt. Phương pháp này có điểm



mạnh là khiến cho nguồn của pháp luật hình sự dễ tra cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc tiếp cận, và tránh sự lạm quyền của một số cơ quan Nhà nước. Tuy nhiên, qua thời gian dài áp dụng, phương pháp này bộc lộ một số điểm bất cập:

Thứ nhất, mục tiêu tạo điều kiện cho người dân trong việc tiếp cận có vẻ như chỉ phù hợp với các tội phạm truyền thống. Còn đối với các tội phạm phi truyền thống, chủ thể phạm tội thường là người có chuyên môn, nghiệp vụ nhất định thì mục tiêu này không đạt được. Ví dụ, tội vi phạm quy định về hoạt động tín dụng thì chủ yếu áp dụng cho các cá nhân làm việc trong hoặc liên quan đến ngân hàng. Những cá nhân này có xu hướng tìm hiểu pháp luật chuyên môn trong lĩnh vực của mình (Luật Tổ chức tín dụng) hơn là tra cứu Bộ luật Hình sự.

Thứ hai, theo cách tiếp cận hiện nay, việc sửa đổi Bộ luật hình sự thường lệch về mặt thời điểm so với các đạo luật trong các lĩnh vực khác. Trong 3 yếu tố cấu thành của quy phạm pháp luật (giả định, quy định và chế tài), việc tách riêng chế tài hình sự khiến các chính sách khó đi vào cuộc sống. Ví dụ, khi Quốc hội ban hành Luật an toàn thực phẩm nhằm chống lại thực phẩm bẩn nhưng lại không thể sửa đổi ngay quy định về tội phạm đối với hành vi sử dụng chất cấm

trong chế biến thực phẩm. Điều này khiến một chính sách bị cất rì, không đồng bộ, các biện pháp hình sự không được sử dụng để thực thi chính sách kinh tế, xã hội. Thậm chí, điều này khiến các cơ quan nhà nước tránh né sử dụng biện pháp hình sự mà tập trung nhiều vào các biện pháp hành chính. Điều này khiến các ưu điểm của biện pháp hình sự không được phát huy hiệu quả như minh bạch hơn, trình tự tố tụng tốt hơn so với hành chính.

Thứ ba, các cán bộ phụ trách lĩnh vực hình sự khó có thể có kiến thức sâu trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, môi trường... nên việc miêu tả hành vi thường mang tính chung chung như: "vi phạm các quy định quản lý trong lĩnh vực... gây hậu quả nghiêm trọng". Cách miêu tả hành vi chung chung như vậy vừa gây khó hiểu cho người dân, gây khó cho quá trình áp dụng của cơ quan tố tụng, lại là trao quyền cho cán bộ thực thi. Chính điều này khiến cho nguy cơ "hình sự hóa quan hệ dân sự kinh tế" trong quá trình thực thi bị đẩy lên cao nếu cán bộ thực thi không đủ năng lực chuyên môn hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng.

Do đó, về lâu dài, để có thể hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự đáp ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi Điều 8.1 của

Bộ luật hình sự để cho phép xây dựng các tội danh tại các đạo luật khác. Trường hợp có lo ngại về việc có thể nảy sinh quá nhiều tội danh tại nhiều đạo luật khác thì quy định liệt kê rõ các đạo luật được phép quy định về tội danh như Luật an toàn thực phẩm, Luật bảo vệ môi trường, Luật chứng khoán, Luật tổ chức tín dụng... Trong quá trình soạn thảo các điều khoản về tội danh trong các luật chuyên ngành này, cần có sự tham gia chặt chẽ của cán bộ chuyên ngành tư pháp. Trong quá trình áp dụng thì vẫn tuân theo các nguyên tắc chung của Bộ luật hình sự.

I Hình phạt tịch thu tài sản (Điều 45)

Điều 45 của Bộ luật quy định về hình phạt tịch thu tài sản "Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước." Mặc dù có giới hạn về mức tịch thu (vấn đề cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống) và trường hợp tịch thu (59 tội danh) nhưng đây vẫn là một hình phạt chưa được làm rõ, nhất là việc trùng lặp với hình phạt tiền với tư cách là hình phạt bổ sung (Khoản 2 Điều 32).

Tịch thu tài sản và phạt tiền giống nhau ở chỗ đều là việc yêu cầu người phạm tội phải nộp một số tiền hoặc tài sản vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hình phạt tiền có định lượng rõ ràng đối với từng hành vi, số tiền phạt tương ứng với mức độ vi phạm của người đó, còn tịch thu tài sản thì không có định lượng, cũng không tương ứng với mức độ vi phạm.

Việc xử lý hình sự cần tôn trọng nguyên tắc "vi phạm đến đâu, xử lý đến đó" và mức phạt phải được thể hiện rõ trong quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định về việc tịch thu tài sản của người phạm tội chuyển toàn bộ sang hình phạt tiền với tư cách là hình phạt bổ sung.

I Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 179 và Điều 180)

Điều 179 và Điều 180 về các Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng

đến tài sản có điểm chung là xử lý hình sự đối với hành vi vô ý gây thiệt hại về tài sản cho người khác, mức khởi điểm xử hình sự là tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên. Đây là các tội danh đã có từ Bộ luật hình sự cũ và hiện nay vẫn được duy trì trong Bộ luật hình sự 2015.

Trên thực tế, các hành vi vô ý gây thiệt hại cho tài sản có thể diễn ra rất đa dạng và không quá hiếm gặp trong xã hội, từ việc một nhân viên bảo vệ lơ là, không hoàn thành trách nhiệm gây mất mát, hư hỏng tài sản của người thuê bảo vệ, hay các tai nạn, sự cố xảy ra do lỗi của con người gây thiệt hại cho máy móc thiết bị, phương tiện có giá trị. Trong những trường hợp này, người vô ý gây thiệt hại sẽ phải bồi thường theo quy định pháp luật dân sự và nếu việc bồi thường đã được thực hiện, bên bị thiệt hại cũng không có yêu cầu gì thêm thì việc xử lý hình sự đúng là hiện tượng "hình sự hóa quan hệ dân sự kinh tế".

Trong một số trường hợp, thiệt hại có thể trở nên rất lớn nằm ngoài khả năng bồi thường của người gây thiệt hại. Tuy nhiên, việc quy định xử lý hình sự đối với các hành vi vô ý này cũng không mang lại lợi ích nào rõ ràng cho xã hội, người vi phạm cũng không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội. Thiết nghĩ, các trường hợp này nên áp dụng biện pháp dân sự để hai bên xác định biện pháp bồi thường hợp lý hơn là việc xử lý hình sự. Do đó, VCCI đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ hai Tội danh tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật hình sự.

I Tội buôn lậu (Điều 188)

Yếu tố định lượng của tội buôn lậu hiện nay là dựa vào giá trị hàng hóa (từ 100 triệu đồng trở lên) hoặc loại hàng hóa (tiền, phương tiện trung gian thanh toán, di vật, cổ vật...). Trên thực tế, hành vi buôn lậu diễn ra với hai trường hợp, gồm (1) đối với những hàng hóa, vật phẩm không được phép mang ra khỏi biên giới; và (2) đối với hàng hóa khác nhằm mục đích trốn thuế (các loại thuế thu đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu). Đối với trường hợp đầu tiên, quy định như hiện tại của Bộ luật đã đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, đối với trường hợp thứ hai, việc căn cứ vào giá trị hàng hóa là chưa phù hợp mà cần căn cứ định lượng dựa trên số tiền thuế trốn được. Hiện nay, tội trốn thuế áp dụng mức khởi điểm với số tiền thuế trốn được là 100 triệu đồng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi Điều 188 theo hướng trong trường hợp

buôn lậu hàng hóa vẫn được phép lưu thông nhưng nhằm mục đích trốn thuế thì đề nghị xác định mức giá trị khởi điểm theo số tiền thuế trốn được từ 100 triệu đồng trở lên.

I Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189)

Hiện nay, các đối tượng buôn lậu tại biên giới thường chia hàng hóa thành các gói nhỏ để vận chuyển qua biên giới. Những trường hợp này gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc xử lý. Nếu căn cứ vào từ ngữ trong Bộ luật thì chỉ xử lý người vận chuyển chứ không xử lý người thuê vận chuyển, tổ chức việc vận chuyển. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các từ "thuê vận chuyển hoặc tổ chức việc vận chuyển" vào yếu tố hành vi tại Điều 189.

I Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190)

Điều 190 xác định tội phạm đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng, chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trong trường hợp hàng hóa là thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật. Dự thảo Bộ luật hình sự bỏ từ "cấm sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm muối, sơ chế, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và muối". Quy định này có thể sẽ dẫn đến nguy cơ xử lý hình sự đối với cả những người sản xuất, cung ứng một lượng nhỏ các hàng hóa trên nhằm mục đích thử nghiệm. Ví dụ, một cá nhân nghiên cứu khoa học tự mình phát triển một loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học chưa được đăng ký lưu hành và cung cấp thử nghiệm cho một vài hộ gia đình trồng trọt để xem xét hiệu quả của thuốc. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc loại trừ việc xử lý hình sự đối với các hành vi sản xuất thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chưa được phép lưu hành, sử dụng nhằm mục đích nghiên cứu, thử nghiệm.

I Tội lừa dối khách hàng (Điều 198)

Về bản chất, Tội sản xuất, buôn bán hàng giả và Tội lừa dối khách hàng có nhiều điểm đồng nhau, đều là hành vi cung cấp thông tin không chính xác hoặc không cung cấp thông tin để người mua hiểu nhầm về tính

năng, công dụng của hàng hóa, dịch vụ, từ đó mà mua hàng hoặc trả nhiều tiền hơn cho hàng hóa, dịch vụ đó. Đối với hàng giả thì hành vi lừa dối này thể hiện ngay trên mặt hàng đó với số lượng lớn, còn đối với hành vi lừa dối khách hàng thì có thể được thực hiện bằng nhiều thủ đoạn khác. Do đó, có thể coi hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là một trường hợp cụ thể của hành vi lừa dối khách hàng.

Tuy nhiên, do Điều 198 về lừa dối khách hàng rất chung chung, không thuận lợi cho quá trình thực thi. Hơn nữa, Điều 198 rất khó áp dụng để xử lý trường hợp nhà cung cấp lừa dối mỗi khách hàng một giá trị nhỏ, nhưng do có nhiều khách hàng nên tổng cộng giá trị lại rất lớn, bởi việc chứng minh giá trị thu lời bất chính này rất khó khăn. Với các lý do đó, VCCI đề nghị cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, cụ thể hóa Điều 198 này nhằm thể hiện chính sách chống gian lận thương mại. Một số giải pháp cụ thể như sau:

- Quy định rõ hành vi lừa dối khách hàng là hành vi "cố ý cung cấp thông tin sai sự thật hoặc cố ý im lặng để khách hàng hiểu nhầm về khối lượng, số lượng, tính chất, công dụng, chất lượng, giá thành, nguồn gốc, thành phần, dịch vụ đi kèm hoặc các thông tin khác của hàng hóa, dịch vụ thuộc một trong các trường hợp sau đây...";
- Tách riêng và quy định rõ hành vi cố ý can thiệp, làm sai lệch thiết bị đo hoặc điều khiển thiết bị, hệ thống đo đạc, tính toán số lượng, khối lượng, chất lượng, giá thành hoặc đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ nhằm lừa dối khách hàng. Ví dụ như việc can thiệp vào đồng hồ tính cước taxi, cột bơm xăng có thể mang lại lợi nhuận rất lớn cho nhà cung cấp;
- Quy định rõ hành vi tự động trừ tiền trên tài khoản, hoặc tính chi phí hàng hóa, dịch vụ tăng thêm mà không có sự đồng ý của khách hàng hoặc không thông báo cho khách hàng. Do hiện nay có nhiều dịch vụ đòi hỏi người tiêu dùng phải trả trước, nộp tiền vào tài khoản do bên cung cấp dịch vụ quản lý và làm nảy sinh các hành vi lừa dối khách hàng.

I Tội cho vay lãi nặng (Điều 201)

Điều 201 về Tội cho vay lãi nặng xác định hành vi dựa trên hai căn cứ chính là (1) lãi suất cao gấp 05 lần lãi



suất cao nhất trong Bộ luật dân sự; và (2) thu lợi bất chính từ 30 triệu đồng trở lên. Theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất để bắt đầu truy cứu trách nhiệm hình sự là 100%/năm.

Trên thực tế, hiện tượng cho vay với lãi suất cao hiện vẫn diễn ra tương đối phổ biến trong nền kinh tế. Hiện nay, các ngân hàng thường không cho vay các khoản vay giá trị nhỏ, thời gian ngắn do không đáp ứng được điều kiện của các hoạt động ngân hàng. Do đó, người cần vay vẫn buộc phải tìm đến những người cho vay ngắn ngày, thủ tục đơn giản, linh hoạt, đổi lại phải chịu lãi suất cao. Đây là hoạt động bình thường khi mà nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể với quy mô rất nhỏ. Theo ước đoán, hoạt động kinh tế của nhóm này đang chiếm khoảng 23% tổng GDP của Việt Nam.

Về bản chất, dù lãi suất cao nhưng đây vẫn là quan hệ hợp đồng tự do thỏa thuận, mang đầy đủ các đặc điểm như đã phân tích trên, gồm

- 1/ có sự đồng thuận chung cả các bên tham gia;
- 2/ không bên nào bị đe dọa, cưỡng ép;
- 3/ các bên tham gia trên cơ sở thông tin đầy đủ, chính xác, không bên nào bị lừa dối, che giấu thông tin; và

4/ không làm thiệt hại đến quyền lợi của bên thứ ba. Nhà nước chỉ nên hình sự hóa hành vi khi bên cho vay đe dọa, cưỡng ép để đòi nợ.

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã thu hẹp đáng kể phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi cho vay lãi nặng mà thay vào đó là áp dụng các biện pháp quản lý khác. Ví dụ, tại Anh, nếu khoản vay có lãi suất cao hơn mức nhất định, người đi vay không có nghĩa vụ phải trả tiền cho người cho vay. Tại Mỹ, những người hành nghề cho vay những khoản nhỏ này phải đáp ứng điều kiện kinh doanh và phải đăng ký với cơ quan nhà nước, thường xuyên báo cáo về hoạt động cho vay (hoạt động tài chính vi mô). Việc xử phạt (hành chính hoặc hình sự) đối với hành vi cho vay lãi nặng tại các quốc gia này chỉ đặt ra khi người cho vay không đăng ký, báo cáo với cơ quan nhà nước; có hành vi đe dọa, sử dụng vũ lực hoặc các biện pháp khác để đòi nợ; hoặc có liên quan đến việc rửa tiền, tiêu thụ tài sản trộm cắp (đối với dịch vụ cầm đồ). Đây đều là những cách làm rất khoa học, vẫn bảo đảm ngăn ngừa các tác động xấu của việc cho vay lãi nặng, nhưng đồng thời duy trì các lợi ích từ sự linh hoạt và tiện lợi của dịch vụ tín dụng này.

Với các lý do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo thu hẹp phạm vi xử lý Tội cho vay lãi nặng. Cụ thể, chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cho vay lãi nặng khi:

- Người cho vay với lãi suất cao thực hiện hoạt động cho vay một cách thường xuyên, liên tục, vì mục đích thu lợi mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề tổ chức tài chính vi mô;
- Người cho vay với lãi suất cao sử dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người vay tiền để đòi nợ.

Đi kèm với việc sửa đổi Tội cho vay lãi nặng như vậy, cần tiến hành xây dựng, sửa đổi và ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm quản lý hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô theo Luật các tổ chức tín dụng.

I Tội lập quỹ trái phép (Điều 205)

Tội danh lập quỹ trái phép có quy định yếu tố hành vi "lập quỹ trái quy định của pháp luật". Miêu tả hành vi này rất khó xác định, không rõ quy định của pháp luật về việc lập quỹ được thể hiện trong văn bản nào để người dân biết và thực hiện theo. Hơn nữa, hiện nay các tội phạm tham nhũng, tội phạm liên quan đến tài sản Nhà nước đã được quy định rõ ràng, phù hợp hơn trước đây, bảo đảm bao quát các hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, việc duy trì Tội lập quỹ trái phép trong Bộ luật hình sự không còn phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ tội danh này.

I Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216)

Nghĩa vụ đóng bảo hiểm cho người lao động là nghĩa vụ tài chính bắt buộc mà doanh nghiệp phải thực hiện, tương tự như nghĩa vụ thuế. Sự khác biệt nằm ở chỗ thuế thì nộp vào ngân sách nhà nước còn bảo hiểm thì nộp vào Quỹ bảo hiểm xã hội. Đối với nghĩa vụ thuế, doanh nghiệp phải thực hiện 2 bước gồm kê khai thuế và nộp tiền vào ngân sách. Tội danh trốn thuế chỉ xử lý đối với trường hợp có gian lận trong việc kê khai thuế chứ không xử lý đối với sai phạm trong hành vi nộp tiền vào ngân sách. Điều này là hợp lý vì doanh nghiệp đã trung thực trong việc kê khai thuế nhưng vì nhiều lý do khác nhau chưa nộp tiền về ngân sách thì chỉ được coi là nợ thuế, chứ không được coi là trốn thuế. Nhà nước chỉ tiến hành đòi tiền thuế như một khoản nợ với lãi suất chậm nộp và nhiều biện pháp đòi nợ, chứ không xử lý hình sự.

Tuy nhiên, đối với Tội trốn đóng bảo hiểm thì căn cứ để xử lý lại là hành vi "gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên". Việc xác định hành vi này có nguy cơ nhầm lẫn giữa "trốn" và "nợ" nghĩa vụ tài chính. Trong trường hợp doanh nghiệp ghi sổ sách và khai báo nghĩa vụ nộp bảo hiểm của mình một cách đầy đủ, chính xác, trung thực nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà chậm nộp tiền bảo hiểm quá hạn 06 tháng thì vẫn có thể bị xử lý hình sự. Trong khi đó, cơ quan bảo hiểm vẫn có thể tiến hành đòi nợ doanh nghiệp như một khoản nợ bình thường khác thông qua các biện pháp bao gồm cả Tòa án dân sự. Đây có lẽ là khoản nợ duy nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam có áp dụng chế tài hình sự nếu quá hạn trả nợ.


Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định theo hướng chỉ xử lý hình sự đối với hành vi doanh nghiệp gian dối khi khai báo nghĩa vụ nộp bảo hiểm, còn việc nợ tiền bảo hiểm thì không xử lý hình sự.

I Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218)

Điều 218 đã liệt kê 3 hành vi vi phạm quy định về bán đấu giá tài sản từ góc độ của người tham gia đấu giá, gồm:

- 1/ Lập danh sách khống về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá;
- 2/ Lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản;
- 3/ Thông đồng đim giá hoặc nâng giá trong hoạt động bán đấu giá tài sản.

Song trên thực tế, các hành vi trục lợi từ hoạt động bán đấu giá tài sản hiện nay không chỉ giới hạn tại các hành vi đó và đặc biệt là có yếu tố gian lận từ đơn vị tổ chức đấu giá. Hơn nữa, hoạt động đấu giá và đấu thầu có nhiều nét tương đồng với nhau, nhưng việc mô tả hành vi của hai tội danh này khác hẳn nhau. Tội về đấu giá thì liệt kê 3 hành vi rất chi tiết nhưng có nguy cơ thiếu sót, còn Tội về đấu thầu thì mô tả hành vi rất chung chung như "thông thầu, gian lận trong đấu thầu, vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu". VCCI cho rằng cách thể hiện của Tội về đấu thầu (Điều 222) phù hợp hơn. Tuy nhiên, sau này vẫn cần có hướng dẫn cụ thể



Nếu quy định một doanh nghiệp không có vốn nhà nước quyết định đầu tư xây dựng một công trình mà không thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật xây dựng thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự là vượt quá mục tiêu chính sách của pháp luật hình sự.

Điều 224 Bộ luật hình sự chỉ nên xử lý đối với các trường hợp vi phạm đối với dự án đầu tư xây dựng có sử dụng vốn nhà nước.

nhằm xác định chính xác các hành vi gian lận, hay không công bằng, minh bạch trong các hoạt động này.

I Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224)

Điều 224 Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng có đoạn mô tả hành vi "quyết định đầu tư xây dựng không đúng quy định của Luật xây dựng". Điều 60 của Luật xây dựng xác định thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng đối với dự án không sử dụng nguồn "vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư" hoặc "vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng" thì thuộc về chủ

sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu. Nói cách khác, nếu chủ một doanh nghiệp không có vốn nhà nước quyết định đầu tư xây dựng một công trình mà không thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật xây dựng thì cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quy định này rõ ràng là vượt quá mục tiêu chính sách của pháp luật hình sự. Việc quản lý dự án xây dựng là nhằm hai mục đích (1) chống thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước; và (2) đảm bảo an toàn xây dựng, an toàn công trình. Mục tiêu thứ 2 đã được xử lý tại Điều 298 Bộ luật hình sự. Điều 224 chỉ nên xử lý đối với các trường hợp vi phạm đối với dự án đầu tư xây dựng có sử dụng vốn nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định này sao cho chỉ áp dụng đối với công trình có sử dụng vốn nhà nước.

I Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296)

Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi sử dụng lao động trẻ em dẫn đến tai nạn là cần thiết. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp tại Việt Nam hiện nay, hiện tượng sử dụng lao động trẻ em nông thôn do chính bố mẹ các em yêu cầu vẫn thường diễn ra. Đây là hành vi



cản ngăn chặn, tuy nhiên, ngăn chặn bằng biện pháp hình sự lại không thực sự hợp lý. Trong những trường hợp này, trẻ em đã bị tai nạn, cha mẹ phải tìm cách chạy chữa lại còn có nguy cơ đối mặt với một bản án hình sự. Số tiền phạt hay thời gian ngồi tù của cha mẹ sẽ khiến cuộc sống của các gia đình này đã khó khăn lại càng trở nên khó khăn hơn. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc việc không xử lý trách nhiệm hình sự đối với trường hợp cha mẹ sử dụng lao động trẻ em giúp công việc của gia đình.

I Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223)

Các hành vi của người có chức vụ quyền hạn thông đồng, bao che cho cá nhân, tổ chức gây thiệt hại cho nhà nước, cho xã hội không chỉ diễn ra trong lĩnh vực thuế mà còn ở rất nhiều lĩnh vực khác. Ví dụ, cán bộ thanh kiểm tra phát hiện ra vi phạm của cá nhân, tổ chức thuộc diện phải xử lý vi phạm hành chính nhưng lại thông đồng, bao che, không xử lý nếu gây hậu quả nghiêm trọng cũng cần xử lý hình sự (tương tự với Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội tại Điều 369 trong chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp). Đây là một dạng tội phạm về chức vụ và cần

được thể hiện trong Chương XXIII các tội phạm về chức vụ.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chuyển quy định của Điều 223 xuống Chương XXIII và mở rộng phạm vi áp dụng của tội danh này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực thuế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác của quản lý nhà nước. Cấu thành cụ thể của tội danh này gồm: (1) chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn; (2) lỗi cố ý; (3) hành vi thông đồng, bao che cho hành vi vi phạm hoặc nghĩa vụ đối với nhà nước của cá nhân tổ chức khác; (4) gây hậu quả nghiêm trọng cho nhà nước hoặc cá nhân, tổ chức khác.

I Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật (Điều 162)

Điều 162 xác định trách nhiệm hình sự đối với hành vi sa thải trái pháp luật đối với người lao động, hoặc cưỡng ép, đe dọa, buộc người lao động phải thôi việc. Các yếu tố cần có thêm là "vi phạm lợi hoặc động cơ cá nhân" và "làm cho người bị sa thải, thôi việc hoặc gia đình họ lâm vào tình trạng khó khăn". Việc áp dụng tội danh này trong trường hợp buộc công chức, viên chức thôi việc, sa thải người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước có thể hợp lý, song nếu áp dụng cho

khối doanh nghiệp tư nhân sẽ không còn phù hợp, vì các lý do sau:

- Quan hệ hợp đồng lao động là quan hệ dân sự, việc chấm dứt hợp đồng lao động, sa thải trái pháp luật đã có các biện pháp chế tài về dân sự điều chỉnh (nhận người lao động trở lại làm việc, bồi thường theo Điều 42 của Bộ luật lao động);
- Việc xác định yếu tố vụ lợi hay động cơ cá nhân của người ra quyết định sa thải là quan hệ giữa người này và đơn vị đã đứng ra thuê lao động. Ví dụ, nếu một vị giám đốc ra quyết định sa thải trái pháp luật đối với một nhân viên, dù là vì vụ lợi hay động cơ cá nhân, thì cũng được coi là quyết định của công ty đó bởi vị giám đốc là người đại diện hợp pháp. Do đó, nếu việc ra quyết định vì vụ lợi hay động cơ cá nhân thì vị giám đốc đó phải chịu trước chủ sử dụng lao động (là công ty) chứ không phải là vấn đề mà nhà nước cần can thiệp. Lập luận này cũng lý giải vì sao tội này áp dụng với cán bộ, công chức thì hợp lý, vì trong trường hợp này, chủ sử dụng lao động đối với cán bộ, công chức chính là Nhà nước.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo thu hẹp phạm vi của Điều 162, không hình sự hóa đối với trường hợp sa thải trái pháp luật của doanh nghiệp.

I Tội vi phạm quy định của Nhà nước về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221)

Việc miêu tả hành vi trong tội danh này chưa thực sự phù hợp và có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng do có sự chồng lấn với các tội danh khác, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tội danh này không phân biệt lỗi cố ý và vô ý. Nếu chỉ xử lý lỗi vô ý thì không phù hợp vì có nhiều hành vi mang tính cố ý như "giả mạo", "dụ dỗ", "cố ý làm hư hỏng. Nếu chỉ xử lý lỗi cố ý thì việc lặp lại từ "cố ý" tại điểm d "cố ý làm hư hỏng tài liệu" lại không thể giải thích được. Hơn nữa, nếu chỉ xử lý theo lỗi cố ý thì sẽ thành trùng lặp với các tội danh khác theo phân tích dưới đây. Nếu xử lý cả lỗi cố ý và vô ý thì lại không phù hợp vì mức độ nguy hiểm cho xã hội của các trường hợp cố ý và vô ý khác nhau rất lớn.

Thứ hai, các hành vi cố ý vi phạm quy định về kế toán luôn nhằm một mục đích xác định, ví dụ như để tham

ô tài sản, để lừa đảo, để trốn thuế, hoặc là cố ý công bố thông tin sai lệch, che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán... Trên thực tế, rất khó có thể hình dung ra một hành vi cố ý vi phạm quy định về kế toán mà không nhằm mục đích trục lợi như vậy. Mà nếu hành vi vi phạm này nhằm các mục đích trục lợi như trên đã liệt kê thì đã có các tội danh khác xử lý. Do đó, việc quy định thêm tội danh này là thừa, không cần thiết.

Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu để bỏ quy định tại Điều 221 về Tội vi phạm quy định về kế toán hoặc quy định rõ để phân biệt lỗi cố ý và vô ý đối với tội danh này.

I Tội vi phạm quy định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Điều 206)

Việc miêu tả hành vi tại Điều 206 có sự nhầm lẫn dẫn đến khó hiểu.

Thứ nhất, có sự trùng lặp giữa điểm a và điểm b của khoản 1. Điểm a quy định việc cấp tín dụng "cho những trường hợp không được cấp tín dụng" còn điểm b quy định về việc cấp tín dụng "cho những đối tượng không được cấp tín dụng". Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc lại việc sử dụng từ ngữ tại điểm a và b cho phù hợp.

Thứ hai, điểm d quy định về việc vi phạm quy định pháp luật về "tổng mức dư nợ tín dụng". Thuật ngữ "tổng mức dư nợ tín dụng" không bao gồm các hoạt động tín dụng ngoài cho vay như bảo lãnh. Hơn nữa, việc quy định này chỉ xử lý được hành vi vi phạm khi tổng mức dư nợ tín dụng của tất cả các nghiệp vụ vượt quá giới hạn, chứ không xử lý được trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đối với từng nghiệp vụ. Do đó, đề nghị sửa lại thành "giới hạn số dư cấp tín dụng".

GÓP Ý DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC 4 LUẬT ĐẦU TƯ VỀ DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

VỀ QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN

Luật đầu tư 2014 ban hành Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (sau đây gọi tắt là Danh mục), trong đó xác định tất cả các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện hiện hành, là một trong những bước tiến quan trọng trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta. Bảo đảm tính minh bạch về chính sách và là “nút chặn” hiệu quả trong việc ban hành các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Tuy nhiên, với mục tiêu tiếp tục cải thiện thể chế quản lý kinh tế, cộng hưởng với các kết quả của đợt rà soát tổng thể các điều kiện kinh doanh mà Chính phủ thực hiện khoảng giữa năm 2015, đảm bảo tuân thủ các mục tiêu ban hành điều kiện kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư 2014 theo từng thời kỳ, việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh lại các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong Danh mục nói trên của Luật đầu tư là rất cần thiết.

Về cách thức, việc sửa đổi, điều chỉnh Danh mục này cần xuất phát từ các mục tiêu quản lý Nhà nước thông qua các điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư: “Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện

vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.

VỀ CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI CỤ THỂ

Trên cơ sở quan điểm tiếp cận như trên, liên quan tới các đề xuất cụ thể đối với việc điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Danh mục sửa đổi của Luật đầu tư, VCCI có ý kiến như sau:

Đối với các ngành nghề đề xuất bỏ khỏi Danh mục

VCCI cho rằng các đề xuất này là hoàn toàn hợp lý, phản ánh đúng bản chất của ngành nghề kinh doanh (ngành nghề thông thường, không cần kiểm soát chặt bằng các điều kiện kinh doanh, bản thân cơ quan quản lý cũng lúng túng không biết cần kiểm soát gì), xử lý được các vướng mắc thực tế mà doanh nghiệp gặp phải. Do đó, VCCI hoàn toàn ủng hộ các đề xuất bãi bỏ này.

Đối với các ngành nghề đề xuất bổ sung mới và Danh mục

Luật đầu tư 2014 đã quy định khá rõ về các mục tiêu khi xác định một ngành, nghề là có điều kiện đầu tư hay không, đó là nhằm bảo vệ các trật tự công (an ninh quốc phòng, lợi ích quốc gia, sức khỏe cộng đồng ...).

Như vậy, khi xác định một ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các lý giải phải hướng đến mục tiêu này.

Tuy nhiên, một số ngành, nghề được đề nghị giữ lại/bổ sung vào Danh mục lại xuất phát từ lý do là đã được quy định và thực hiện ổn định trong các văn bản pháp luật khác. Đây dường như chưa phải là lý do phù hợp để quyết định giữ/ bổ sung vào Danh mục, mà lý do cốt lõi vẫn phải giải trình là: các ngành nghề kinh doanh này có gây ra ảnh hưởng tới các trật tự công ở mức Nhà nước cần thiết phải kiểm soát bằng các điều kiện hay không?

Phần lớn các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được kiến nghị bổ sung vào Danh mục lần này đều chưa giải trình các mục tiêu chính sách như yêu cầu tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư, do đó chưa đủ căn cứ thuyết phục để bổ sung vào Danh mục:

- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng;
- Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
- Kiểm toán năng lượng;
- Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá;
- Kinh doanh kho bảo thuế;
- Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước;
- Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô.

Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo giải trình bám sát vào các mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư. Nếu không giải trình phù hợp hoặc không thuyết phục, đề nghị không bổ sung các ngành nghề liên quan vào Danh mục.

Liên quan tới một số vấn đề cụ thể khác về một số ngành nghề kinh doanh mới bổ sung vào Danh mục, đề nghị xem góp ý cụ thể trong các Mục dưới đây.

Đối với các ngành nghề còn giữ lại trong Danh mục dù có ý kiến đề nghị bỏ ra

Dự thảo đề xuất giữ lại một số ngành nghề trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện mặc dù có ý kiến từ cộng đồng doanh nghiệp đề nghị bỏ ra khỏi Danh mục.

Tuy nhiên, dường như Ban soạn thảo chưa giải trình được lý do cần giữ lại các ngành nghề này trong Danh mục theo các tiêu chí như nêu tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư, chưa có lý giải thuyết phục về sự cần thiết phải kiểm soát các ngành nghề này bằng các điều kiện kinh doanh (trong khi pháp luật đã có những công cụ kiểm soát khác), thậm chí có nhầm lẫn về đối tượng kiểm soát. Cụ thể:

Các trường hợp không lý giải được mức độ rủi ro đối với trật tự công cộng của các ngành nghề kinh doanh hoặc đã được kiểm soát bởi các công cụ pháp luật khác

1. Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

Về bản chất, mua bán nợ là giao dịch trong đó một khoản nợ (cùng với các quyền và nghĩa vụ gắn với khoản nợ đó) được chuyển từ chủ thể này sang chủ thể khác. “Nợ” – đối tượng của giao dịch này - bao gồm có thể là bất kỳ khoản nợ nào hình thành trong các giao dịch dân sự, thương mại bình thường (các khoản nợ có tính nhạy cảm, của một nhóm đối tượng đặc thù đã thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản khác¹). Chủ thể của giao dịch mua bán nợ có thể là bất kỳ chủ thể kinh doanh nào (trừ các chủ thể chuyên nghiệp như các tổ chức tín dụng, các công ty chứng khoán... đã được loại trừ tại Điều 1 Dự thảo). Dịch vụ mua bán nợ chỉ là dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy các giao dịch mua bán nợ nói trên. Kết quả của giao dịch mua bán nợ không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ hay khoản nợ, mà chỉ thay đổi chủ thể thực hiện nghĩa vụ đó.

Như vậy, từ tất cả các góc độ (đối tượng, chủ thể, hệ quả), việc thực hiện giao dịch mua bán nợ cũng như

¹Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
Thông tư 08/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chỉ liên quan tới các chủ thể tham gia, hoàn toàn không có ảnh hưởng nào tới các lợi ích công cộng được liệt kê trong khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư.

Hơn nữa, theo pháp luật dân sự hiện hành, “nợ” đang được xem là một loại hàng hóa thông thường, được giao dịch bình thường trên thị trường (những khoản nợ “đặc thù”, “nhiều nguy cơ” - ví dụ các khoản nợ xấu của các ngân hàng, các tổng công ty nhất định... - đã có những văn bản khác điều chỉnh). Hệ thống pháp luật về dân sự, thương mại liên quan tới hoạt động mua bán hiện tại đã cung cấp đủ cơ sở pháp lý để điều chỉnh giao dịch mua bán nợ cũng như các giao dịch hỗ trợ mua bán nợ.

Vì các lý do nêu trên, đề nghị bỏ “hoạt động dịch vụ mua bán nợ” ra khỏi Danh mục của Luật đầu tư.

2 / Kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển (Mục 86 – Danh mục sửa đổi)

“Đại lý tàu biển” là dịch vụ mà người đại lý nhân danh chủ tàu hoặc người khai thác tàu biển tiến hành các dịch vụ liên quan đến tàu biển hoạt động tại cảng (ví dụ: thực hiện các thủ tục tàu biển đến, rời cảng; ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bảo hiểm hàng hải, hợp đồng bốc dỡ hàng hóa, hợp đồng thuê tàu, hợp đồng thuê thuyền viên; ký phát vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước sinh hoạt cho tàu biển; trình kháng nghị hàng hải; thông tin liên lạc với chủ tàu hoặc người khai thác tàu; dịch vụ liên quan đến thuyền viên; thu, chi các khoản tiền liên quan đến hoạt động khai thác tàu; giải quyết tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hoặc về tai nạn hàng hải và dịch vụ khác liên quan đến tàu biển²).

Như vậy, về mặt bản chất, đây là một dịch vụ đại diện/ủy quyền thực hiện công việc, tương tự như rất nhiều hoạt động đại lý trong các lĩnh vực ngành, nghề khác. Những rủi ro xuất phát từ hoạt động dịch vụ đại lý tàu biển này, nếu có, sẽ chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích của chủ tàu hoặc người khai thác tàu biển (người đã ủy quyền cho đại lý tàu biển thực hiện các công việc thay mình). Ngay cả khi hoạt động của đại lý tàu biển có liên quan tới cơ quan Nhà nước (ví

dụ thủ tục cho tàu đến, rời cảng) thì nếu xảy ra rủi ro nào (ví dụ do đại lý làm sai) thì người chịu trách nhiệm trước Nhà nước vẫn là chủ tàu, người khai thác tàu biển chứ không phải đại lý. Vì vậy, gần như không có rủi ro nào đáng kể đối với các trật tự công từ hoạt động đại lý tàu biển lớn hơn tác động từ các ngành nghề kinh doanh thông thường khác. .

Nếu là lo ngại tính nhạy cảm của dịch vụ này nếu đại lý tàu biển là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thì hoàn toàn có thể kiểm soát bằng các điều kiện đầu tư theo cam kết, chỉ áp dụng riêng cho nhà đầu tư nước ngoài, chứ không nên là điều kiện kinh doanh (áp dụng cho mọi chủ thể). Chú ý rằng theo cam kết của Việt Nam trong WTO thì lĩnh vực đại lý tàu biển là dịch vụ mà Việt Nam không mở cửa hoàn toàn cho nhà đầu tư nước ngoài (hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài chỉ được góp vốn không quá 49% tổng số vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh đại lý tàu biển), mà theo quy định của Luật Đầu tư thì doanh nghiệp có vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài dưới 49% tổng số vốn điều lệ, cũng được xem là doanh nghiệp trong nước.

Do đó, đề nghị bỏ “dịch vụ đại lý tàu biển” ra khỏi Danh mục Luật đầu tư sửa đổi.i.

3 / Kinh doanh dịch vụ in (Mục 126 - Danh mục sửa đổi)

“In” là hoạt động sử dụng công nghệ, thiết bị để tạo ra sản phẩm in. Dịch vụ này đang được xem là một ngành công nghiệp phụ trợ cho nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác trong nền kinh tế (in hoa văn trên vật liệu xây dựng, trên vải may mặc, in bao bì, nhãn mác...). Hoạt động in có thể tác động đến an ninh quốc gia, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội chủ yếu liên quan tới các ấn phẩm in (có chứa đựng nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật).

Tuy nhiên, vấn đề về nội dung của ấn phẩm in đã được kiểm soát bởi pháp luật về xuất bản - hoạt động do Nhà nước độc quyền thực hiện³. Hơn nữa, theo quy định của pháp luật hiện hành cơ sở in cũng không phải là chủ thể chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm đặt in (mà là các chủ thể thuê dịch vụ in, sở hữu sản phẩm cần in). Khi nhận các chế bản in thì chủ thể thuê dịch vụ đã phải xuất trình và chứng minh các loại giấy phép có liên quan đến chế bản in “nhạy cảm” (giấy phép hoạt

² Điều 235 Bộ luật hàng hải Việt Nam 2015

³ Điều 12 Luật xuất bản



động báo chí, giấy phép xuất bản bản tin; văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các biểu mẫu giấy tờ của cơ quan nhà nước ...). Như vậy, việc kiểm soát sự tác động tới các lợi ích công cộng, an ninh quốc gia hay trật tự xã hội của hoạt động tin đã được kiểm soát thông qua các quy định hiện hành có liên quan.

Đối với các hoạt động in khác (in vật liệu xây dựng, bao bì, nhãn...), đây là hoạt động dịch vụ có thị trường và tần suất thực hiện rất lớn, là hoạt động hỗ trợ, công nghiệp phụ trợ cho một loạt các ngành kinh tế (dệt may, vật liệu xây dựng, bao bì...). Mức độ rủi ro và nhạy cảm về nội dung in rất thấp, và cũng đã được kiểm soát bởi các công cụ khác (ví dụ in bao bì thì Nhà nước đã kiểm soát chủ thể đặt in, với các quy định về các nội dung bắt buộc phải có và các nội dung bị cấm trên nhãn mác). Hơn nữa, Nhà nước cũng đang có những chính sách để hỗ trợ, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ nói chung. Do đó, nếu coi “hoạt động dịch vụ in” là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì đây thực sự là sự cản trở lớn đến sự phát triển của ngành, nghề này.

Từ những phân tích trên, đề nghị bỏ “hoạt động dịch vụ in” ra khỏi Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật đầu tư sửa đổi.

Các trường hợp xác định không đúng đối tượng cần quản lý

Về mặt logic, điều kiện kinh doanh là điều kiện ràng buộc, hạn chế và kiểm soát chủ thể kinh doanh. Vì thế công cụ “điều kiện kinh doanh” chỉ nên sử dụng trong các trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của chủ thể kinh doanh có thể tác động đến trật tự công (ví dụ: đối với hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: yếu tố trình độ của người khám bệnh là rất quan trọng, vì tác động trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người, do đó cần phải kiểm soát ngay từ đầu, trước khi các chủ thể này thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh).

Đối với những trường hợp mà bản thân quá trình sản xuất, kinh doanh của chủ thể kinh doanh không tác động đến các lợi ích công cộng nhưng các sản phẩm, hàng hóa là kết quả của quá trình đó lại có thể tác động đến trật tự công thì phương pháp quản lý thích hợp (và đang áp dụng) là các giới hạn kỹ thuật tối thiểu đối với sản phẩm, hàng hóa đó (thường thể hiện bằng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật) buộc phải đáp ứng nếu muốn tiêu thụ tại thị trường.

Với cách tiếp cận như trên thì một số ngành, nghề kinh doanh trong Danh mục dường như đang nhằm vào kiểm soát rủi ro của sản phẩm, hàng hóa đầu ra và do đó là không cần thiết và không hợp lý. Ví dụ:



1 / Xuất khẩu gạo (Mục 7 – Danh mục sửa đổi)

Về tác động của hoạt động xuất khẩu gạo đối với an ninh quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư:

Gạo được xem là loại hàng hóa liên quan đến an ninh lương thực quốc gia⁴, vì vậy các chính sách quản lý đặc thù liên quan gạo có thể là cần thiết. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành đã có nhiều quy định để đảm bảo an ninh quốc gia, quốc phòng và các lợi ích công cộng liên quan đến sản phẩm gạo. Cụ thể, việc cân đối nguồn thóc, gạo hàng hóa xuất khẩu, các yêu cầu về dự trữ lưu thông... đã được quy định khá rõ trong Nghị định 109/2010/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo. Do đó, yêu cầu về điều kiện đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gạo để đảm bảo cho lợi ích công cộng là chưa phù hợp.

Ngay cả khi các điều kiện này là cần thiết đi nữa thì các quy định về điều kiện kinh doanh cụ thể của xuất khẩu gạo trong pháp luật hiện tại hoàn toàn không hướng đến hay giúp bảo đảm các mục tiêu công cộng nêu tại khoản 1 Điều 7 của Luật đầu tư (ví dụ các điều kiện kinh doanh của hoạt động xuất khẩu gạo chủ yếu liên

quan đến quy mô của doanh nghiệp - Thật khó lý giải tại sao để xuất khẩu gạo thì thương nhân phải có những điều kiện về cơ sở vật chất với quy mô tối thiểu như trên? Và quy mô của doanh nghiệp thì giúp gì cho việc bảo đảm mục tiêu an ninh lương thực?).

Từ những phân tích trên, đề nghị bỏ “kinh doanh xuất khẩu gạo” ra khỏi Danh mục Luật đầu tư sửa đổi.

2 / Kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy (Mục 187 – Danh mục sửa đổi)

“Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” là sản phẩm tác động đến sức khỏe, tính mạng của con người sử dụng. Vấn đề cần kiểm soát đối với ngành, nghề kinh doanh này chính là đảm bảo việc sử dụng “mũ bảo hiểm” an toàn của người đi mô tô, xe máy. Điều này có thể kiểm soát thông qua việc yêu cầu về chất lượng sản phẩm trước khi được lưu hành trên thị trường.

Dù chủ thể sản xuất bằng dây chuyền, thiết bị, công nghệ nào bằng những người có trình độ năng lực ra sao thì sản phẩm cuối cùng trước khi đi ra thị trường cũng phải được kiểm duyệt để đảm bảo phù hợp với

⁴Mặc dù suy đoán này có thể đúng hơn với thời kỳ Việt Nam còn thiếu lương thực, với vị trí là nước xuất khẩu gạo lớn nhất nhì thế giới hiện nay, khả năng thiếu gạo tiêu thụ trong nước làm ảnh hưởng tới an ninh lương thực có lẽ là không thực sự lớn.

các quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. Hoạt động chứng nhận hợp quy này sẽ được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận sự phù hợp (một tổ chức đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá năng lực và xác nhận đủ trình độ để chứng nhận hợp quy). Như vậy, các quy định hiện hành là đủ để kiểm soát về chất lượng sản phẩm hàng hóa, đảm bảo cho các trật tự công không bị xâm phạm.

Do đó, kiểm soát điều kiện đối với các chủ thể kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy là không cần thiết, chưa hợp lý và là cản trở lớn đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Đề nghị bỏ “Kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” ra khỏi Danh mục Luật đầu tư sửa đổi.

3/ Kinh doanh dịch vụ quảng cáo (Mục 199, Danh mục sửa đổi)

Theo quy định trong lĩnh vực quảng cáo hiện hành thì chủ thể kinh doanh dịch vụ quảng cáo không phải đáp ứng về các điều kiện kinh doanh (những điều kiện để gia nhập thị trường). Pháp luật quảng cáo hiện đang quản lý theo các sản phẩm quảng cáo, phương tiện quảng cáo (thông qua các điều kiện bắt buộc về nội dung, cách thức quảng cáo). Cách tiếp cận theo sản phẩm mà không theo chủ thể này là hoàn toàn phù hợp.

Do đó, việc chuyển ngành nghề này thì ngành nghề kinh doanh thông thường sang ngành nghề kinh doanh có điều kiện để kiểm soát về chủ thể kinh doanh (trước khi gia nhập thị trường) không chỉ là nhầm lẫn về đối tượng cần kiểm soát mà còn gia tăng gấp đôi mức độ kiểm soát một cách bất hợp lý, tạo thêm gánh nặng hành chính lớn cho hoạt động kinh doanh này. Đề nghị bỏ “Kinh doanh dịch vụ quảng cáo” ra khỏi Danh mục.

Một số ngành, nghề kinh doanh đề nghị bổ sung vào Danh mục chưa nhận thấy rõ tính đặc thù so với các ngành, nghề kinh doanh thông thường cùng loại

Như đã phản ánh ở trên, việc kiểm soát ngành, nghề kinh doanh bằng điều kiện chỉ nhằm mục đích lợi ích công cộng, an ninh quốc gia, quốc phòng, sức khỏe cộng đồng, môi trường. Do đó, đối với những ngành nghề có cùng tính chất, nhưng lại có sự khác nhau về phương thức quản lý (một bên là ngành nghề kinh doanh thông thường, một bên là ngành nghề kinh

doanh có điều kiện) thì cần phải chứng minh được tính đặc thù của ngành, nghề bị kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh (phải liên quan đến các mục tiêu ở trên) so với các ngành, nghề còn lại.

Tuy nhiên, một số ngành, nghề kinh doanh trong Danh mục chưa nhận thấy/được giải trình có tính thuyết phục về tính đặc thù so với các ngành, nghề kinh doanh thông thường cùng loại khác. Ví dụ:

1/ Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (mục 54 – Danh mục sửa đổi)

“Hàng thực phẩm đông lạnh” là một trong ba loại mặt hàng (bên cạnh “hàng hóa đã qua sử dụng” và “hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt”) bị kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh khi kinh doanh tạm nhập, tái xuất.

Nếu như mục đích kiểm soát đối với hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất 02 mặt hàng còn lại là hợp lý (“hàng hóa đã qua sử dụng” là loại hàng hóa không khuyến khích, thậm chí là cấm nhập khẩu, vì lý do chất lượng, môi trường... và cần kiểm soát để ngăn chặn loại hàng hóa này được tuồn vào tiêu thụ nội địa; “hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt” là nhóm dễ gian lận thuế) thì việc kiểm soát hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất “hàng thực phẩm đông lạnh” hầu như không có căn cứ nào thuyết phục:

Nguy cơ hàng thực phẩm đông lạnh tạm nhập tái xuất tác động tới các lợi ích công cộng lớn hơn so với sản phẩm tương tự hầu như không thể chứng minh được (ít nhất là trong so sánh với các mặt hàng thực phẩm đông lạnh nhập khẩu/xuất khẩu hoặc các mặt hàng thực phẩm khác không phải đông lạnh tạm nhập tái xuất – trong khi việc tạm nhập tái xuất các sản phẩm này không hề bị kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh);

Hoạt động tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh là một loại hoạt động trong quá trình kinh doanh chứ không phải một ngành nghề kinh doanh (bởi ít có ai thành lập doanh nghiệp chỉ để tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh, thường hoạt động này là do các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện, bên cạnh các hoạt động khác của họ như sản xuất thực phẩm, mua bán thực phẩm, nhập khẩu/xuất khẩu thực phẩm...). Đối tượng cần kiểm soát ở đây là mỗi lần tạm nhập tái xuất của doanh nghiệp chứ không phải là bản thân doanh nghiệp ngay từ khi họ chưa gia nhập thị trường. Do đó, biện pháp kiểm soát, nếu cần, là hoạt động kiểm soát (qua thủ tục hải quan, vận

chuyển chuyển khẩu) đối với từng lô hàng thực phẩm đông lạnh tạm nhập tái xuất chứ không phải là điều kiện kinh doanh đối với chủ thể thực hiện hoạt động tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh;

Ngay cả khi giải trình được rằng việc kiểm soát bằng các điều kiện kinh doanh là cần thiết để bảo vệ các lợi ích công cộng thì các điều kiện kinh doanh đối với ngành này (thể hiện trong Điều 3 Nghị định 77/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương) không hướng tới việc bảo đảm mục tiêu trật tự công cộng nào.

Ví dụ điều kiện về tiền ký quỹ: Không rõ việc ký quỹ thì sẽ giúp gì cho mục tiêu bảo vệ trật tự công cộng liên quan tới thực phẩm đông lạnh tạm nhập tái xuất? Đứng về góc độ thị trường, yêu cầu doanh nghiệp phải ký quỹ tại ngân hàng đồng nghĩa với việc một khoản tiền của doanh nghiệp sẽ bị “đóng băng” không sử dụng trong quá trình hoạt động. Trong kinh doanh nói chung, một khoản tiền “chết” là điều rất không bình thường, không hợp lý đối với bất kỳ doanh nghiệp nào đặc biệt khi mục tiêu quản lý lại chưa rõ ràng. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, có ít tiềm lực về mặt tài chính nói riêng, việc buộc doanh nghiệp phải giữ khoản tiền “chết” này từ khi gia nhập vào thị trường sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường;

Liên quan tới những yêu cầu về điện, máy móc phục vụ kho: Đây là vấn đề thuộc về quy chuẩn kỹ thuật đối với loại kho để chứa hàng hóa này, chứ không phải là điều kiện kinh doanh.

Từ các phân tích trên cho thấy, việc xác định ngành, nghề kinh doanh này là ngành nghề kinh doanh có điều kiện là chưa hợp lý, ngay bản thân các điều kiện kinh doanh được xác định đối với loại ngành, nghề này cũng không rõ về mục tiêu quản lý cũng như sự phù hợp với các mục tiêu được xác định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư. Do đó, đề nghị bỏ “Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh” ra khỏi Danh mục sửa đổi.

2 / Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô (Mục 75 – Danh mục sửa đổi)

“Hoạt động bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô” là một trong những dịch vụ kỹ thuật thông thường – tương tự như các hoạt động bảo dưỡng, bảo hành hàng hóa khác trên thị trường. Vì vậy, chưa tìm thấy tính đặc thù của loại dịch vụ này hơn các dịch vụ tương tự khác để có thể quy định về điều kiện kinh doanh.

Quan trọng hơn, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô là dịch vụ thường đi kèm với dịch vụ bán hàng hoặc sản xuất ô tô và trong quan hệ này trách nhiệm đối với chất lượng sản phẩm thuộc về nhà sản xuất là chủ yếu chứ không phải là người bảo hành, bảo dưỡng. Vì vậy, việc xem hoạt động bảo hành, bảo dưỡng ô tô là ngành nghề kinh doanh có điều kiện là rất bất hợp lý.

Ngay cả khi việc kiểm soát các dịch vụ này là hợp lý đi nữa thì các điều kiện kinh doanh với ngành này như quy định hiện tại cũng không thể hiện được các mục tiêu quản lý nào trong khi lại cản trở đáng kể đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào thị trường này.

Vì vậy, đề nghị bỏ “Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô” ra khỏi Danh mục Luật đầu tư sửa đổi.

3 / Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô (Mục 76 – Danh mục sửa đổi)

Đây là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mới được đề xuất bổ sung vào trong Danh mục.

Đề xuất bổ sung mới ngành nghề này vào Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện là không hợp lý, ít nhất ở các điểm:

Về mục tiêu kiểm soát nguy cơ/rủi ro về chất lượng của xe ô tô: Với tính chất là nguồn nguy hiểm cao độ (cho người tham gia giao thông), ô tô là loại hàng hóa cần được kiểm soát về chất lượng (điều kiện kỹ thuật). Tuy nhiên, các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng và đăng kiểm đã cho phép kiểm soát khả năng đáp ứng quy chuẩn của từng chiếc xe ô tô một trước khi phương tiện được đưa ra lưu thông (không quan trọng chủ thể sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu là ai). Thậm chí, ngay cả khi ô tô đã được sử dụng bởi các chủ thể sử dụng (không phải nhà sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu) thì theo quy định của pháp luật hiện hành, định kỳ các ô tô này vẫn phải được đăng kiểm lại. Như vậy, dưới góc độ bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng cũng như bảo vệ các trật tự công, thì những quy định hiện hành đã đủ để kiểm soát và bảo vệ. Việc kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh đối với các chủ thể sản xuất,

CÁC ĐIỀU KIỆN KINH DOANH CẦN:

- Đảm bảo tính hợp lý, cần thiết (tuân thủ Luật đầu tư);
- Giúp phát triển thị trường, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh;
- Đảm bảo tính minh bạch, không tạo ra nguy cơ tiêu cực, nhúng nhieu;
- Điều kiện kinh doanh được quy định ngay tại Nghị định mà không cần Thông tư hướng dẫn để đảm bảo thi hành được ngay;
- Nhà nước không can thiệp, không “làm hộ” những gì doanh nghiệp/ tổ chức xã hội làm tốt;
- Các quy định về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cần được phân biệt với điều kiện kinh doanh và tách ra ban hành ở các văn bản riêng.

lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô vừa thừa (đối với ô tô lần đầu đưa vào sử dụng) vừa ít ý nghĩa (đối với ô tô đang được sử dụng).

Hơn nữa, cần lưu ý rằng trên thực tế thời gian qua, mặc dù không áp dụng việc kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh đối với sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô thì các hoạt động này vẫn diễn ra bình thường, không gây rủi ro nào lớn cho xã hội (các rủi ro phát sinh từ ô tô lưu thông trên đường là xuất phát từ các nguyên nhân khác, trong đó có nguyên nhân về chất lượng nhưng là do xe cũ nát, không thực hiện đăng kiểm lại khi đến thời hạn đăng kiểm...).

Về tính đặc thù của ô tô so với các loại hàng hóa có cùng tính chất khác: Ô tô là một loại phương tiện giao thông, với nguy cơ gây ra ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng người sử dụng tương tự các loại phương tiện khác như xe máy, tàu điện... Tuy nhiên việc sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu các phương tiện này hiện được xem là ngành nghề thông thường, không phải ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Do đó việc áp đặt điều kiện kinh doanh với hoạt động sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô là không phù hợp với phương thức quản lý chung với các phương tiện giao thông.

Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và môi trường cạnh tranh lành mạnh: Việc áp đặt điều kiện kinh

doanh đối với ngành, nghề này trong khi chưa chứng minh đầy đủ, có tính thuyết phục về tính đặc thù của ô tô so với các loại hàng hóa cùng loại khác, sẽ là chính sách cản trở đáng kể cho các chủ thể kinh doanh muốn gia nhập vào thị trường kinh doanh ô tô. Nếu điều kiện kinh doanh được áp đặt đối với tất cả các hoạt động sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô ở Việt Nam dẫn tới hạn chế các chủ thể gia nhập thị trường thì hệ quả hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực này sẽ là vô cùng lớn. Chú ý là hiện ô tô là phương tiện vận chuyển chủ yếu, do vậy đối tượng bị ảnh hưởng sẽ không chỉ là các khách hàng cá nhân mà còn là toàn bộ các doanh nghiệp kinh doanh vận tải cũng như các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu phải sử dụng phương tiện vận tải để lưu thông hàng hóa.

Từ những phân tích trên, đề nghị bỏ “Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô” ra khỏi Danh mục Luật đầu tư sửa đổi.

Một số ngành, nghề trong Danh mục không phải là ngành, nghề kinh doanh

Về mặt nguyên tắc, các ngành, nghề được xác định trong Danh mục phải là các ngành, nghề kinh doanh – tức là các hoạt động phát sinh lợi nhuận, nhằm mục

đích sinh lời như tinh thần quy định tại khoản 16 Điều 2 Luật doanh nghiệp⁵, khoản 5 Điều 3 Luật đầu tư⁶.

Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại và hoạt động dịch vụ hòa giải thương mại (Mục 13, Danh mục sửa đổi) lại không phản ánh bản chất của một ngành, nghề kinh doanh, bởi “Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận” (khoản 2 Điều 27 Luật trọng tài thương mại). Hơn nữa, đây là cơ quan tài phán, được thành lập với mục đích xét xử, không thể và không nên coi là một ngành, nghề kinh doanh.

Các chế định về hòa giải thương mại đang được xây dựng và dự kiến đây cũng là hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, và là một phương thức giải quyết tranh chấp.

Xuất phát từ tính chất trên, đề nghị bỏ “Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại và hoạt động dịch vụ hòa giải thương mại” ra khỏi Danh mục sửa đổi.

Một số góp ý khác

1 / Một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong Danh mục không rõ phạm vi

Một số ngành, nghề kinh doanh trong Danh mục (sửa đổi) có phạm vi quá rộng và/hoặc chưa rõ khiến cho nguy cơ một số ngành, nghề kinh doanh bị quản lý quá mức cần thiết bằng điều kiện kinh doanh và ảnh hưởng tới quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, cần phải rà soát để thu hẹp phạm vi và/hoặc quy định rõ về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Ví dụ: Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương (Mục 51 – Danh mục sửa đổi); Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Mục 169, Danh mục sửa đổi); Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế (Mục 180, Danh mục sửa đổi):

- Không rõ đây là những loại thực phẩm nào? Liệu có phải là tất cả các loại thực phẩm không (bởi rất cuộc thì một loại thực phẩm sẽ hoặc là thuộc lĩnh vực quản lý của một Bộ hoặc nhiều Bộ, cơ bản không có loại thực phẩm nào không thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ nào cả)

- Trong Danh mục của Luật đầu tư thì có một số loại hàng hóa thực phẩm cũng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương nhưng được tách riêng ra thành các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (ví dụ: gạo, thực phẩm đông lạnh). Khái niệm “thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương” có thể chồng lấn với các nhóm hàng này.

Trong khi đó, quan trọng nhất trong kiểm soát thực phẩm chính là an toàn thực phẩm. Do đó cần đặt ra những yêu cầu đối với quá trình sản xuất, kinh doanh đối với các loại thực phẩm này để đảm bảo về an toàn thực phẩm. Ngoài mục tiêu trên thì không nên có ràng buộc nào khác đối với các chủ thể kinh doanh loại mặt hàng này. Quy định tại Mục 51, Mục 169, Mục 180 có thể hiểu là sẽ quản lý bao trùm (không chỉ giới hạn ở “an toàn thực phẩm”) đối với hoạt động kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của các Bộ. Như vậy là biện pháp quản lý quá mức cần thiết, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, cần chú ý rằng việc đặt tên nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Danh mục chưa thật sự thống nhất, thiếu cụ thể, dẫn đến việc mở rộng ngành nghề kinh doanh có điều kiện ra quá mức cần thiết. Ví dụ rất nhiều trường hợp trong Danh mục sử dụng cụm từ “kinh doanh” trước các ngành nghề sản xuất, dịch vụ dẫn đến việc mở rộng điều kiện kinh doanh ra toàn bộ các khâu của hoạt động đầu tư, từ sản xuất đến phân phối, bán lẻ. Ví dụ: kinh doanh thủy sản (Mục 148, Danh mục sửa đổi); Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi (Mục 149, Danh mục sửa đổi); Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (Mục 159, Danh mục sửa đổi); Kinh doanh phân bón (Mục 170, Danh mục sửa đổi); Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản (Mục 171, Danh mục sửa đổi)... Trong khi đó trên thực tế có những trường hợp chỉ một khâu nào đó là cần kiểm soát (ví dụ khâu sản xuất).

Vì vậy, đề nghị rà soát lại phạm vi chính xác của các ngành nghề trong Danh mục, đặc biệt là quy định rõ về phạm vi đối với ngành, nghề quy định tại Mục 51, 169, 180 (chú ý cần xác định hoạt động cần quản lý đối với hoạt động kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ là an toàn thực phẩm).

⁵Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi”

⁶ “Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư”;

2 / Không rõ quan điểm trong xây dựng Danh mục nếu so sánh giữa ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được bãi bỏ và ngành, nghề kinh doanh được giữ lại, bổ sung vào

Các ngành, nghề được đề xuất bãi bỏ, bổ sung, giữ lại cần thống nhất về tiêu chí để đảm bảo tính nhất quán trong xây dựng chính sách.

Một số đề xuất tại Dự thảo liên quan đến ngành, nghề đề nghị bãi bỏ, giữ nguyên hoặc thêm vào đường như chưa thể hiện được tính thống nhất trong quan điểm, đề nghị cần nhắc, xem xét và có giải trình cụ thể, rõ ràng hơn.

Ví dụ 1: Các ngành, nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức của một ngành, nghề có điều kiện

Các ngành, nghề được Dự thảo đề xuất bãi bỏ là:

- Kinh doanh dịch vụ đào tạo đại lý bảo hiểm (Mục 30 của Danh mục);
- Kinh doanh dịch vụ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (Mục 112);
- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu (Mục 188).

Các ngành, nghề được Dự thảo đề xuất giữ lại/bổ sung là:

- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư (Mục 107, Danh mục sửa đổi).
- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sản giao dịch bất động sản (Mục 106, Danh mục sửa đổi).

Tính chất của các ngành, nghề kinh doanh được giữ lại/bổ sung gần như tương tự đối với các ngành, nghề được đề nghị bỏ khỏi Danh mục. Ban soạn thảo cần giải trình về tính khác biệt, đặc thù các ngành nghề quy định tại Mục 107, 106 (các lý do này cần liên hệ với mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật đầu tư) so với các ngành, nghề được đề xuất bãi bỏ. Trường hợp không thể giải trình thuyết phục thì đề nghị bỏ cả những ngành nghề này khỏi Danh mục.

Ví dụ 2: Các ngành, nghề liên quan đến quản lý, vận hành

Các ngành, nghề được Dự thảo đề xuất bãi bỏ là:

- Kinh doanh dịch vụ quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng, cây xanh (Mục 122 Danh mục);
- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung (Mục 123).

Các ngành, nghề được Dự thảo đề xuất giữ lại/bổ sung là:

- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư (Mục 117, Danh mục sửa đổi);
- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng (Mục 118, Danh mục sửa đổi).

Các tính chất của các ngành, nghề này gần như tương tự nhau. Nếu cho rằng, vận hành nhà chung cư có tác động lớn đến sự an toàn của con người (người dân sống trong các khu chung cư) do đó cần phải kiểm soát các chủ thể cung cấp dịch vụ kinh doanh này, thì vận hành “hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung” cũng tác động đến sự an toàn của con người (những người sử dụng chung các cơ sở hạ tầng).

Lý do để đưa “kinh doanh quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung” ra khỏi Danh mục là hiện nay chưa có quy định. Tuy nhiên, cần đánh giá việc có cần thiết hay không xác định đây là một ngành, nghề kinh doanh có điều kiện? Thực tế, chưa có quy định nào quy định về ngành, nghề này và cũng không có rủi ro nào xuất phát từ hoạt động này tác động đến các lợi ích công cộng. Do đó, không cần thiết phải quy định và áp đặt điều kiện đối với ngành nghề này. Với tính chất tương tự như ngành, nghề vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng chung, rất khó để lý giải và thuyết phục tại sao lại phải xác định “quản lý, vận hành nhà chung cư” là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.







ĐIỂM TIN

NHỮNG VĂN BẢN VCCI ĐÃ GÓP Ý

Trong năm 2016, VCCI góp ý Hồ sơ xây dựng Khung chính sách thương mại Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 trở đi (các chính sách dự kiến được ban hành trong Luật sửa đổi Luật thương mại) và góp ý 157 dự thảo⁷ (gồm 9 Luật, 01 Pháp lệnh, 87 Nghị định, 08 Quyết định của Thủ tướng, 44 Thông tư/ Thông tư liên tịch và 08 dự thảo khác) gửi tới 15 Bộ để góp ý các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, trong đó có các văn bản đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp đến cộng đồng doanh nghiệp như: Luật sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư, sửa đổi Bộ luật hình sự 2015, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... Đặc biệt, trong số các văn bản mà Bộ chủ trì soạn thảo trong năm 2016 tháng vừa qua có nhiều quy định về điều kiện kinh doanh để thực thi Luật đầu tư 2014.

Nhìn chung, các ý kiến góp ý của VCCI⁸ tập trung chủ yếu đánh giá các văn bản pháp luật dựa trên các tiêu chí rà soát đã được thống nhất từ trước đến nay đó là: minh bạch, hợp lý và thống nhất.

Đối với các quy định về điều kiện kinh doanh thì cần:

- Đảm bảo tính hợp lý, cần thiết (tuân thủ Luật đầu tư)
- Giúp phát triển thị trường, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh
- Đảm bảo tính minh bạch, không tạo ra nguy cơ tiêu cực, những nhiều:
 - điều kiện, thủ tục minh bạch, cụ thể;
 - biểu mẫu đơn giản;
 - rõ về thẩm quyền, đầu mối tiếp nhận và giải quyết hồ sơ;
 - không chồng chéo, nhắc lại quy định của văn bản pháp luật khác.
- Điều kiện kinh doanh được quy định ngay tại Nghị định mà không cần Thông tư hướng dẫn để đảm bảo thi hành được ngay
- Nhà nước không can thiệp, không “làm hộ” những gì doanh nghiệp/ tổ chức xã hội làm tốt
- Các quy định về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cần được phân biệt với điều kiện kinh doanh và tách ra ban hành ở các văn bản riêng.

Bên cạnh đó, nhiều văn bản hiện hành được sửa đổi, bổ sung để đồng bộ với các văn bản cấp trên mới được ban hành hoặc để giải quyết các vướng mắc trên thực tiễn mà các văn bản hiện hành còn nhiều bất cập.

⁷ Toàn văn các ý kiến này được đăng tải trên website của VCCI tại địa chỉ www.vibnonline.com.vn

⁸ Các lập luận chi tiết để đưa ra kiến nghị được thể hiện đầy đủ trong các Công văn góp ý của VCCI đã được đăng tải tại địa chỉ www.vibnonline.com.vn.

Những dự thảo VCCI đã góp ý là:

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|--|--|--|
| DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH | | |
| 1 | Luật quản lý ngoại thương | Bộ Công Thương |
| 2 | Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 3 | Luật sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 4 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ (lần 2) | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 5 | Luật bảo vệ và phát triển rừng (sửa đổi) | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 6 | Luật quản lý, sử dụng tài sản công | Bộ Tài chính |
| 7 | Luật đo đạc và bản đồ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 8 | Rà soát góp ý Bộ luật hình sự 2015 (bao gồm góp ý đối với Điều 292) | Bộ Tư pháp |
| 9 | Luật du lịch (sửa đổi) | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 10 | Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án | Bộ Tài chính |
| DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ | | |
| 1 | Nghị định về quản lý con dấu | Bộ Công an |
| 2 | Nghị định quy định điều kiện để hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự | Bộ Công an |
| 3 | Nghị định về kinh doanh rượu | Bộ Công Thương |
| 4 | Nghị định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp | Bộ Công Thương |
| 5 | Nghị định thay thế Nghị định số 23/2007/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hàng và hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | Bộ Công Thương |
| 6 | Nghị định sửa đổi, bổ sung, ban hành một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Công Thương | Bộ Công Thương |
| 7 | Nghị định thay thế Nghị định 42/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp | Bộ Công Thương |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|--|--|---------------------------|
| DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ | | |
| 8 | Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới | Bộ Giao thông vận tải |
| 9 | Nghị định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển | Bộ Giao thông vận tải |
| 10 | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 86/2014/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô | Bộ Giao thông vận tải |
| 11 | Nghị định thay thế Nghị định số 30/2014/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển | Bộ Giao thông vận tải |
| 12 | Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lại xe ô tô và sát hạch lái xe | Bộ Giao thông vận tải |
| 13 | Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực hàng không dân dụng | Bộ Giao thông vận tải |
| 14 | Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải |
| 15 | Nghị định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải | Bộ Giao thông vận tải |
| 16 | Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển | Bộ Giao thông vận tải |
| 17 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | Bộ Giao thông vận tải |
| 18 | Nghị định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và việc cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải | Bộ Giao thông vận tải |
| 19 | Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 20 | Nghị định sửa đổi Nghị định số 89/2006/ NĐ-CP về Nhân hàng hóa | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 21 | Nghị định về kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 22 | Nghị định về hiệu chuẩn, kiểm nghiệm, thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 23 | Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp | Bộ Khoa học và Công nghệ |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|--|--|--|
| DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ | | |
| 24 | Nghị định sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Nghị định số 80/2007/NĐ-CP, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 25 | Nghị định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |
| 26 | Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 27 | Nghị định sửa đổi Nghị định 36/2014/NĐ-CP về nôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 28 | Nghị định sửa đổi Nghị định 119/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 29 | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thú y và quyết định của Thủ tướng chính phủ về thành lập và tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật cấp | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 30 | Nghị định quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 31 | Nghị định về lệ phí trước bạ | Bộ Tài chính |
| 32 | Nghị định về kinh doanh dịch vụ đòi nợ | Bộ Tài chính |
| 33 | Nghị định quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh chứng khoán | Bộ Tài chính |
| 34 | Nghị định hướng dẫn Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | Bộ Tài chính |
| 35 | Nghị định quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí | Bộ Tài chính |
| 36 | Nghị định về lệ phí môn bài | Bộ Tài chính |
| 37 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | Bộ Tài chính |
| 38 | Nghị định quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép tổ chức con nuôi nước ngoài | Bộ Tài chính |
| 39 | Nghị định về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế | Bộ Tài chính |
| 40 | Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm hưu trí bổ sung | Bộ Tài chính |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|--|---|-----------------------------|
| DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ | | |
| 41 | Nghị định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng | Bộ Tài chính |
| 42 | Nghị định quy định về điều kiện, thủ tục thành lập cửa hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra giám sát hải quan | Bộ Tài chính |
| 43 | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm | Bộ Tài chính |
| 44 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp | Bộ Tài chính |
| 45 | Nghị định quy định về thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào | Bộ Tài chính |
| 46 | Nghị định Ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia | Bộ Tài chính |
| 47-57 | 10 Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt | Bộ Tài chính |
| 58 | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khí tượng thủy văn | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 59 | Nghị định về khai thác và kinh doanh khoáng sản | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 60 | Nghị định quy định về xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin đất đai | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 61 | Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 62 | Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 63 | Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 64 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai | Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|--|---|---------------------------------|
| DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ | | |
| 65 | Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 66 | Nghị định quy định chi tiết về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 67 | Nghị định sửa đổi Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 68 | Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Tư pháp |
| 69 | Nghị định quy định các biện pháp thi hành bộ luật dân sự về giao dịch bảo đảm | Bộ Tư pháp |
| 70 | Nghị định quy định điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 71 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và nghị định số 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 72 | Nghị định về hoạt động nhiếp ảnh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 73 | Nghị định Quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 74 | Nghị định thay thế Nghị định 121/2013/NĐ-CP quy định XPVPHC trong lĩnh vực hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở và Nghị định số 180/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị | Bộ Xây dựng |
| 75 | Nghị định quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng | Bộ Xây dựng |
| 76 | Nghị định quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm | Bộ Y tế |
| 77 | Nghị định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | Bộ Y tế |
| 78 | Nghị định hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Bộ Y tế |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|---|--|-----------------------------|
| DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ | | |
| 79 | Nghị định về điều kiện kinh doanh thuốc | Bộ Y tế |
| 80 | Nghị định quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, kiểm nghiệm thực phẩm và chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 81 | Nghị định quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Bộ Y tế |
| 82 | Nghị định quy định về hoạt động tiêm chủng | Bộ Y tế |
| 83 | Nghị định Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | Bộ Y tế |
| 84 | Nghị định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo | Bộ Y tế |
| 85 | Nghị định quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế | Bộ Y tế |
| 86 | Nghị định về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 87 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | | |
| 1 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân | Bộ Công Thương |
| 2 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực thi Nghị định thư hợp tác về ô tô với Nga | Bộ Công Thương |
| 3 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực thi Nghị định thư hợp tác về ô tô với Belarus | Bộ Công Thương |
| 4 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập | Bộ Tài chính |
| 5 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động triển khai Hiệp định TFA của WTO | Bộ Tài chính |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|---|--|--|
| DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | | |
| 6 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định liên quan tới tổ chức và hoạt động của Ban liên ngành TBT và Mạng lưới TBT | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 7 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự | Bộ Tư pháp |
| 8 | Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu điện | Bộ Tư pháp |
| DỰ THẢO THÔNG TƯ/ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH | | |
| 1 | Thông tư quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an | Bộ Công an |
| 2 | Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng | Bộ Công Thương |
| 3 | Thông tư quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xác nhận ưu đãi Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển | Bộ Công Thương |
| 4 | Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam – Lào | Bộ Công Thương |
| 5 | Thông tư hướng dẫn Nghị định 63/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới | Bộ Giao thông vận tải |
| 6 | Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BGTVT ngày 15/10/2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ | Bộ Giao thông vận tải |
| 7 | Thông tư quản lý giống cây trồng ngắn ngày | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 8 | Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định 69/2016 về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ | Bộ Tài chính |
| 9 | Thông tư quy định mức thu, kê khai, nộp, quản lý phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh truyền hình nước ngoài trên truyền hình trả tiền | Bộ Tài chính |
| 10 | Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | Bộ Tài chính |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|---|---|---------------------------|
| DỰ THẢO THÔNG TƯ/ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH | | |
| 11 | Thông tư quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh | Bộ Tài chính |
| 12 | Thông tư thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm | Bộ Tài chính |
| 13 | Thông tư hướng dẫn Nghị định 49/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn | Bộ Tài chính |
| 14 | Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | Bộ Tài chính |
| 15 | Thông tư thay thế Thông tư 77/2012/TT-BTC về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa | Bộ Tài chính |
| 16 | Thông tư thu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp | Bộ Tài chính |
| 17 | Thông tư hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hoạt động xuất, nhập xăng dầu, nguyên liệu để pha chế xăng dầu; hoạt động pha chế, chuyển đổi chủng loại xăng dầu tại kho ngoại quan xăng dầu | Bộ Tài chính |
| 18 | Thông tư hướng dẫn thực hiện góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế do bên nước ngoài nắm quyền chi phối (thay thế Thông tư 131/2010/TT-BTC) | Bộ Tài chính |
| 19 | Thông tư hướng dẫn việc cơ quan thuế lấy ý kiến tư vấn cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại | Bộ Tài chính |
| 20 | Thông tư và Biểu thuế đính kèm thông tư ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi của Việt Nam để thực hiện hiệp định VN - EAEU FTA giai đoạn 2016 - 2018 | Bộ Tài chính |
| 21 | Thông tư hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa | Bộ Tài chính |
| 22 | Thông tư quy định về kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá | Bộ Tài chính |
| 23 | Thông tư hướng dẫn kê khai thuế giá trị gia tăng và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ | Bộ Tài chính |
| 24 | Thông tư ban hành quy chuẩn thẩm định giá bất động sản | Bộ Tài chính |
| 25 | Thông tư sửa đổi thuế suất nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng thuộc nhóm 72.01 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi | Bộ Tài chính |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|---|---|------------------------------|
| DỰ THẢO THÔNG TƯ/ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH | | |
| 26 | Thông tư bổ sung mặt hàng ô ngăn hình mạng làm từ vật liệu Nano-composite Polymerix Alloy (Neoweb) vào Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 | Bộ Tài chính |
| 27 | Thông tư Bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng với mặt hàng trứng Artermia vào chương Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi | Bộ Tài chính |
| 28 | Thông tư Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng máy móc cơ khí thuộc chương 84 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi | Bộ Tài chính |
| 29 | Các Thông tư ban hành Các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 30 | Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 31 | Thông tư quy định công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 32 | Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, mở chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 33 | Thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư số 19/2012/TT-BYT của Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 34 | Thông tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm dược liệu và vị thuốc cổ truyền tại cơ sở y tế công lập | Bộ Y tế |
| 35 | Thông tư quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 36 | Thông tư hướng dẫn việc triển khai, áp dụng các nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất thuốc" (GMP) trong sản xuất thuốc từ dược liệu | Bộ Y tế |
| 37 | Thông tư ban hành danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế kèm theo mã số HS thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 38 | Thông tư hướng dẫn hoạt động gia công thuốc và chuyển giao công nghệ trong sản xuất thuốc thay thế Thông tư số 23/2013/TT-BYT | Bộ Y tế |
| 39 | Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn Lồng ấp trẻ sơ sinh | Bộ Y tế |

| STT | Tên | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|---|--|-----------------------------|
| DỰ THẢO THÔNG TƯ/ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH | | |
| 40 | Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn Dao mổ điện cao tần | Bộ Y tế |
| 41 | Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn Thiết bị nội soi cứng | Bộ Y tế |
| 42 | Thông tư ban hành Quy chuẩn Việt Nam về trang thiết bị y tế | Bộ Y tế |
| 43 | Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 44 | Thông tư quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| VĂN BẢN KHÁC | | |
| 1 | Hồ sơ xây dựng Khung chính sách thương mại Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 trở đi (phục vụ sửa đổi Luật thương mại) | Bộ Công Thương |
| 2 | Đề án về khả năng xây dựng Luật tư pháp quốc tế | Bộ Tư pháp |
| 3 | Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý đường thủy nội địa và cảng, bến thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải |
| 4 | Đề án hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào thương mại quốc tế khi Việt Nam là thành viên Công ước Viên 1980 | Bộ Công Thương |
| 5 | Ý kiến về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp phần mềm | Bộ Tài chính |
| 6 | Quyết định ban hành, hướng dẫn danh mục hàng hóa rủi ro trong quản lý nhà nước về Hải quan | Bộ Tài chính |
| 7 | Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm khai thuế và nộp thuế điện tử đối với cá nhân cho thuê nhà; nộp thuế điện tử đối với cá nhân nộp lệ phí trước bạ nhà đất, thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản | Bộ Tài chính |
| 8 | Tờ trình phê chuẩn Nghị định thư về khung pháp lý thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN | Bộ Tài chính |

CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐANG LẤY Ý KIẾN

Vui lòng xem các dự thảo đang lấy ý kiến và cập nhật thông tin chi tiết tại website: www.vibonline.com.vn

THAM GIA TỔ CÔNG TÁC

Tổ công tác thi hành Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư
Tổ công tác và nhóm làm việc về phòng chống rửa tiền

THAM GIA SOẠN THẢO

- 1 Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ
- 2 Luật ban hành các quyết định hành chính
- 3 Luật đấu giá tài sản
- 4 Luật du lịch
- 5 Luật phòng, chống tác hại rượu, bia
- 6 Luật quản lý ngoại thương
- 7 Pháp lệnh đào tạo một số chức danh tư pháp
- 8 Nghị định hướng dẫn chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- 9 Nghị định về kinh doanh dịch vụ đào tạo, sát hạch lái xe
- 10 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/CD-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung
- 11 Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực hàng không dân dụng
- 12 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2014/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô
- 13 Nghị định sửa đổi Nghị định hướng dẫn Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi)

- 14 Nghị định sửa đổi Nghị định 140/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics
- 15 Nghị định thay thế Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp
- 16 Nghị định quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện, tổ chức tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải
- 17 Nghị định thay thế Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản
- 18 Nghị định về kinh doanh mũ bảo hiểm
- 19 Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật
- 20 Nghị định sửa đổi bổ sung (hoặc thay thế) Nghị định 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ
- 21 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định quy định về dịch vụ đánh giá sự phù hợp
- 22 Nghị định về hoạt động kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm thiết bị đo
- 23 Quyết định thay thế Quyết định số 82/2010/QĐ-TTg ngày 15/12/2010 về Chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Hội đồng cạnh tranh Nghị định sửa đổi Nghị định 55/2011/NĐ-CP về tổ chức pháp chế
- 24 Nghị định về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại
- 25 Nghị định về hòa giải thương mại
- 26 Nghị định về Cá tra
- 27 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2014/ NĐ-CP về hoạt động bán hàng đa cấp
- 28 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 86/2014/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh về vận tải ô tô
- 29 Nghị định sửa đổi Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật

THAM GIA THẨM ĐỊNH/THẨM TRA

- 1 Dự án Luật chuyển giao công nghệ
- 2 Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13
- 3 Đề nghị xây dựng Luật các Luật về đầu tư, kinh doanh
- 4 Dự án Luật sửa các Luật về đầu tư, kinh doanh tại Bộ Tư pháp
- 5 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 121/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng
- 6 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- 7 Dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh của cơ sở đào tạo và sát hạch lái xe.
- 8 Dự thảo Nghị định về mua bán nợ
- 9 Dự thảo Nghị định mức bảo hiểm
- 10 Dự thảo Nghị định về kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy
- 11 Dự thảo Nghị định về lệ phí môn bài
- 12 Các Nghị định về điều kiện kinh doanh
- 13 Dự thảo Nghị định về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế
- 14 Dự thảo Nghị định đăng ký kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp
- 15 Dự thảo Nghị định hướng dẫn Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định
- 16 Dự thảo Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
- 17 Dự thảo Nghị định về về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển
- 18 Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2014/ NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
- 19 Dự thảo Nghị định quản lý thức ăn chăn nuôi
- 20 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- 21 Dự thảo Nghị định quy định về quản lý hoạt động sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng, sửa chữa thiết bị, phần mềm ghi âm, ghi hình, định vị nguy trang và chế áp thông tin tế bào di động.
- 22 Dự thảo Nghị định về dịch vụ bưu chính công ích
- 23 Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 177 hướng dẫn Luật giá
- 24 Dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
- 25 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng về phát triển điện gió





TOP TEN REGULATIONS

Bình chọn quy định Pháp luật Tốt và Chưa tốt

1.

Mục đích của cuộc bình chọn

Trong bối cảnh tiếp tục chuyển đổi nền kinh tế, đổi mới về quản lý nhà nước và tăng cường hội nhập, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ngày càng trở thành một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhất của Nhà nước, nhằm xây dựng và hoàn thiện một khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp một cách phù hợp và khuyến khích hoạt động của doanh nghiệp nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế.

Cuộc bình chọn được thực hiện hướng đến các mục tiêu sau:

- THỨ NHẤT, cổ vũ, biểu dương các văn bản, cơ quan ban hành những văn bản tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cho người dân trong việc được trao quyền và tiếp cận các cơ hội về đầu tư, việc làm, thu nhập, tham gia các ngành nghề kinh doanh.

- THỨ HAI, định danh cụ thể các quy định của pháp luật có vấn đề, nêu tên cơ quan ban hành những văn bản mà các doanh nghiệp đánh giá là phiền hà, khó khăn, phân tích những điểm chưa phù hợp và chủ động đưa ra khuyến nghị các giải pháp cải thiện cụ thể.

- THỨ BA, là một cửa gác từ phía xã hội để giám sát các văn bản được ban hành. Dự kiến hiệu ứng, sức ép từ việc công bố các văn bản tối nhất là một cảnh báo quan trọng để các bộ, ngành giảm bớt việc ban hành các văn bản có chất lượng kém.

- THỨ TƯ, thay đổi và cải thiện chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành dựa trên các tiêu chí phù hợp, có thể kể đến như giảm chi phí tuân

thủ, hạn chế rào cản gia nhập thị trường, ít cơ hội cho tham nhũng, không phân biệt đối xử,....

- THỨ NĂM, chúng tôi kỳ vọng Cuộc bình chọn sẽ có tác động rất lớn trong tăng vai trò và tiếng nói của hiệp hội doanh nghiệp, tạo cơ hội và thúc đẩy khối tư nhân, các tổ chức nghề nghiệp tham gia một cách chủ động và tích cực hơn trong quá trình xây dựng và sửa đổi chính sách ở Việt Nam.

- THỨ SÁU, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đóng góp hoàn thiện hệ thống pháp luật, khuyến khích sự tham gia tích cực hơn của các doanh nghiệp.

2.

Phương pháp thực hiện

Đối tượng được bình chọn là các quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh được thể hiện dưới hình thức một điều, khoản hoặc điểm trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Do đây là lần đầu tiên thực hiện Cuộc bình chọn nên phạm vi các quy định pháp luật được đánh giá chỉ dừng lại ở cấp Trung ương và được ban hành trong khoảng thời gian 5 năm, từ 2011 đến 2015.

VCCI đã tổ chức Hội thảo khởi động Cuộc bình chọn các quy định pháp luật tốt nhất và tối nhất tại Hà Nội ngày 22/12/2015 với sự tham gia của đông đảo của đại diện các Bộ, các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia và báo chí. Dự kiến Thể lệ bình chọn và các tiêu chí đánh giá quy định cũng đã được trình bày tại Hội thảo này.

Sau cuộc hội thảo, VCCI cùng với Hội đồng chuyên gia đã hoàn thiện Thể lệ bình chọn và Tiêu chí, đăng công khai trên website chính thức của Cuộc bình chọn tại địa chỉ: <http://topten.vibonline.com.vn> và gửi thư mời đề cử rộng rãi cho các Bộ ngành, các hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp. Ban Tổ chức cũng đã mở một Fan Page của Cuộc bình chọn trên Facebook tại địa chỉ <https://facebook.com/binhchonquydingh> để kết nối mạnh mẽ hơn với người tham gia.

Thông qua website, facebook, điện thoại, email và bưu chính, đã có 9297 đề cử được gửi về cho Ban Tổ chức. Các đề cử này đã được chuyển cho Hội đồng chuyên gia để phân loại, sàng lọc và lựa chọn ra các quy định tốt nhất và tối nhất. Ban Tổ chức cũng đã tiến hành gửi công văn cho các Bộ ngành đầu mối chịu trách nhiệm soạn thảo các quy định này để thu nhận các ý kiến phản hồi về đánh giá của cộng đồng.

Một Báo cáo kết quả những phát hiện và bài học rút ra từ cuộc bình chọn sẽ được công bố.

Sau giai đoạn này, VCCI sẽ tiếp tục theo dõi quá trình điều chỉnh, sửa đổi các quy định đã được đề cử tối tại các Bộ ngành và sẽ đưa vào báo cáo của Cuộc bình chọn cho những năm tiếp theo.

Một điều khích lệ dành cho Ban Tổ chức là cho đến thời điểm tháng 12/2016, rất nhiều quy định trong số các quy định được đề cử tối đã được phía cơ quan quản lý sửa đổi, hoặc đang trong giai đoạn soạn thảo văn bản sửa đổi. Điều này cho thấy những tác động rất tích cực của cuộc bình chọn này.

3.

Bộ tiêu chí đánh giá

VCCI cùng với Hội đồng chuyên gia đã tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các quy định pháp luật về kinh doanh. Các tiêu chí này dựa trên tiêu chuẩn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2005 của Việt Nam, tham khảo thêm các tiêu chuẩn của World Bank⁹, OECD-APEC¹⁰, tiêu chuẩn của Chính phủ Australia^{11,12} và kinh nghiệm tham gia xây dựng pháp luật của VCCI.

10 tiêu chí đánh giá về quy định là:

1. TÍNH CẦN THIẾT

Sự cần thiết ban hành quy định thể hiện thông qua mục tiêu chính sách mà nhà làm luật mong muốn. Mục tiêu chính sách phải rõ ràng và có thể đạt được. Một quy định được xem là cần thiết nếu trong rất nhiều vấn đề của cuộc sống, cơ quan ban hành lựa chọn được đúng vấn đề bức thiết cần giải quyết và việc ban hành văn bản pháp luật là cách tốt nhất để giải quyết vấn đề đó.

2. TÍNH HỢP LÝ

Các quy định được đưa ra dựa trên cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn rõ ràng mà không chỉ dựa trên suy luận cảm tính của nhà làm luật. Các quy định phải giúp đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra mà không làm phát sinh các hệ quả xấu không mong muốn.

3. TÍNH THỐNG NHẤT

Tính thống nhất được thể hiện thông qua việc quy định không chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định trong cùng một văn bản, không mâu thuẫn với các quy định trong các văn bản pháp luật khác, đặc biệt là các quy định ở cấp văn bản cao hơn. Điều này không chỉ tạo ra sự nhất quán về mặt chính sách, mà tại thuận lợi hơn cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện.

4. TÍNH KHẢ THI

Tính khả thi của một quy định được xác định dựa trên mức độ thi hành, tuân thủ quy định đó trên thực tế. Ngay khi đề xuất quy định, cơ quan có thẩm quyền cần tiên liệu trước về những chi phí, rủi ro, khó khăn nhằm có hướng dẫn, hoặc chuẩn bị các nguồn lực giúp tăng tính khả thi của quy định.

5. TÍNH MINH BẠCH

Quy định minh bạch là quy định đơn giản, dễ hiểu, không bị hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, có thể áp dụng được ngay và hạn chế tối đa việc phải diễn giải thông qua các văn bản hướng dẫn hoặc người thực thi. Quy định minh bạch giúp cho quá trình thực hiện trở nên dễ dàng, nhanh chóng và ít rủi ro.

⁹ Regulatory Quality Indicators: Better Regulation for Growth, Government frameworks and tools for effective regulatory reform, Investment Climate Advisory Services of the World Bank Group.

¹⁰ APEC-OECD Integrated checklist on regulatory reform: A policy instrument for regulatory quality, competition policy and market openness,

¹¹ Best Practice Regulation Report, Office of Best Practice Regulation - Deregulation Group - Department of Finance and Deregulation, 2009

¹² Best practice regulation: A guide for ministerial councils and national standard setting bodies, October 2007, Council of Australian governments

6. CHI PHÍ TUÂN THỦ

Chi phí tuân thủ là tổng các chi phí về mặt tiền bạc, thời gian, công sức, cơ hội và cả những rủi ro mà tất cả các đối tượng chịu tác động gồm doanh nghiệp và người dân phải bỏ ra để tuân thủ quy định. Một quy định pháp luật tốt là quy định giúp hạn chế tối đa chi phí tuân thủ của doanh nghiệp và người dân.

7. QUYỀN TỰ DO KINH DOANH

Quyền tự do kinh doanh bao gồm quyền ra các quyết định đầu tư, lựa chọn ngành nghề, địa bàn, quy mô, hình thức kinh doanh, tự do hợp đồng, lựa chọn đối tác, tự chủ điều hành nội bộ, thuê mướn lao động. Quy định tốt là quy định không hạn chế các quyền trên hoặc chỉ hạn chế “trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”.

8. THỨC ĐẨY CẠNH TRANH

Quy định pháp luật về kinh doanh không làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường, tạo cơ hội cho độc quyền hoặc thống lĩnh, hoặc phân biệt đối xử một cách vô lý giữa các đối thủ cạnh tranh. Các quy định này làm giảm cơ hội lựa chọn của khách hàng, tăng giá và giảm hiệu quả, năng suất chung của nền kinh tế.

9. KIỂM SOÁT NGUY CƠ NHỮNG NHIỀU

Quy định cần được xây dựng để hạn chế tối đa nguy cơ nảy sinh tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực thi. Điều này được thể hiện qua việc phân định rõ ràng về thẩm quyền, xác định rõ quyền và nghĩa vụ, trình tự thủ tục, tiên liệu trước và lấp đầy các kẽ hở có thể bị người thực thi lợi dụng để mưu lợi cá nhân.

10. THỜI ĐIỂM BAN HÀNH/CÓ HIỆU LỰC

Thời điểm ban hành/có hiệu lực cũng là một yếu tố quan trọng giúp đánh giá các quy định pháp luật. Các quy định pháp luật cần được ban hành kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, đặc biệt là các văn bản quy định chi tiết văn bản cấp trên, bên cạnh đó cũng cần có thời gian để các đối tượng tác động chuẩn bị thi hành và không gây mất ổn định cho môi trường kinh doanh.

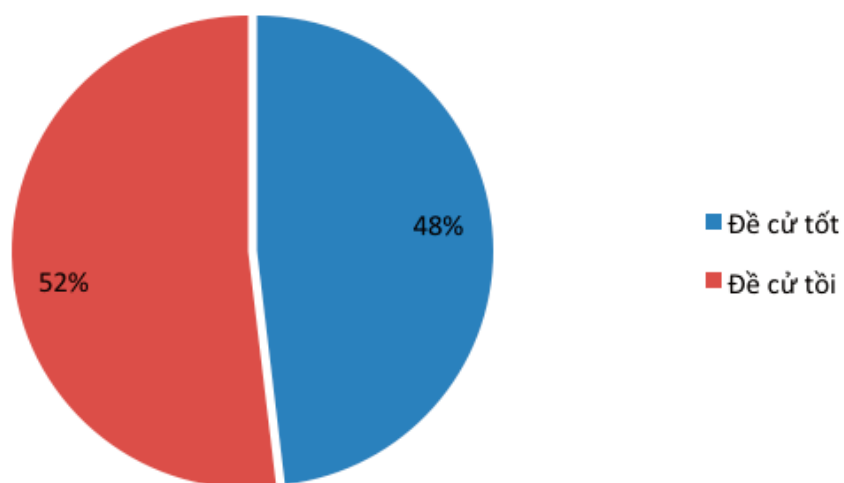
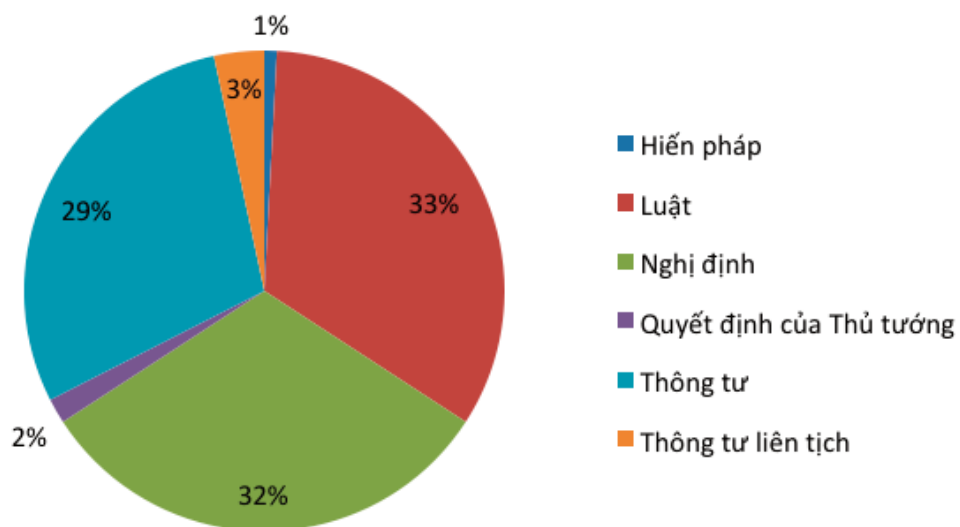
4.

Những kết quả thu được

Tổng số đề cử nhận được: 9297 đề cử

Tổng số quy định hợp lệ được đề cử: 237 quy định (chỉ tính một lượt quy định đối với nhiều đề cử trùng lặp về nội dung, loại bỏ các đề cử không phải là quy định trong văn bản quy phạm pháp luật và các quy định nằm ngoài khoảng thời gian từ 2011-2015)

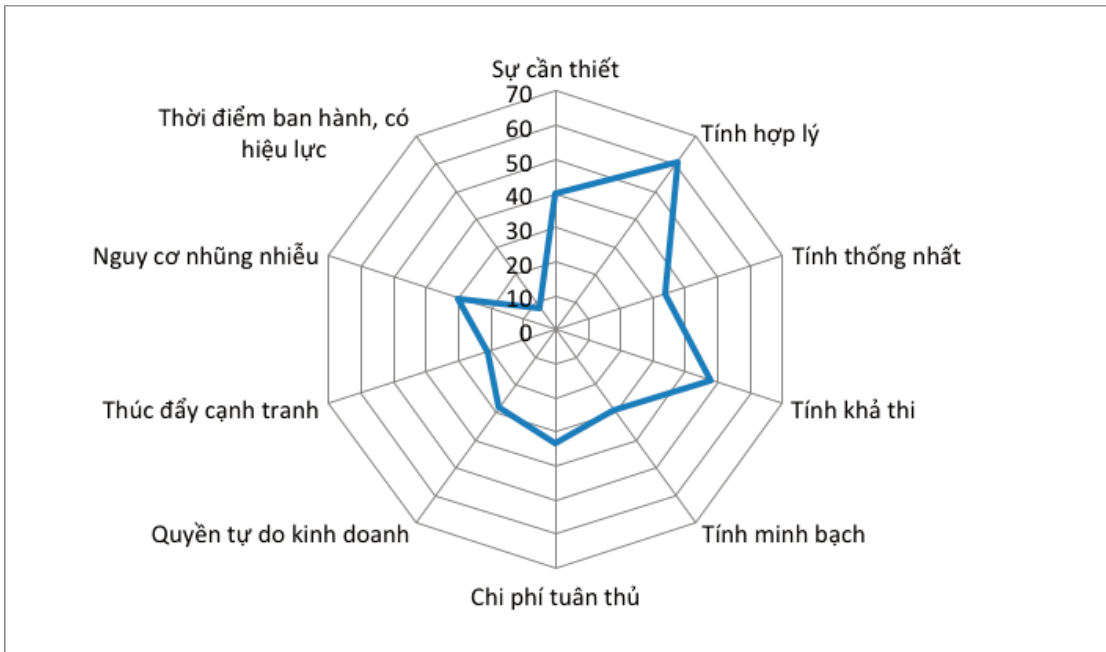
- Tổng số quy định tốt: 114 quy định
- Tổng số quy định tối: 123 quy định
- Quy định trong Hiến pháp: 2 quy định
- Quy định trong Luật: 79 quy định
- Quy định trong Nghị định: 75 quy định
- Quy định trong Quyết định của Thủ tướng: 4 quy định
- Quy định trong Thông tư: 69 quy định
- Quy định trong Thông tư liên tịch: 8 quy định



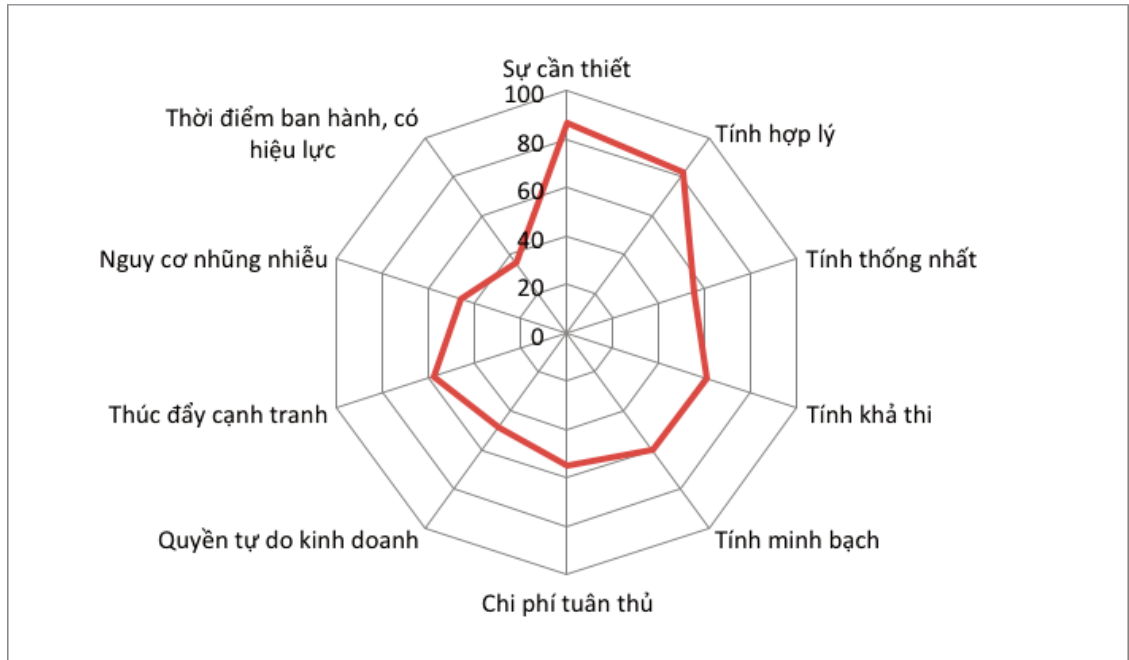
Các cơ quan có quy định được đề cử bao gồm: Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tòa án Nhân dân Tối cao, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Số đề cử quy định tốt liên quan đến thủ tục hành chính: 41 quy định (chiếm 34% tổng số các quy định tối được đề cử)
- Số đề cử quy định tốt liên quan đến thủ tục hành chính: 38 quy định (chiếm 33% tổng số các quy định tốt được đề cử)
- Số đề cử quy định tối liên quan đến điều kiện kinh doanh: 24 quy định (chiếm 20% tổng số các quy định tối được đề cử)
- Số đề cử quy định tốt liên quan đến điều kiện kinh doanh: 14 quy định (chiếm 12% tổng số quy định tốt được đề cử)

Lý do của các đề cử quy định tối



Lý do của các đề cử quy định tốt



5.

Cộng đồng nói gì về TOP TEN REGULATIONS?

1/ Một doanh nghiệp gửi hàng chục đề cử cho Ban Tổ chức, kèm theo hy vọng: "Chúng tôi hi vọng rằng kết quả bình chọn này sẽ là sự ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp đối với những nỗ lực từ các cơ quan nhà nước trong việc làm cho môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi hơn từ những quy định tốt, đồng thời cảnh báo về những quy định đang cản trở một cách bất hợp lý đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp...."

2/ Một chuyên gia gửi đề cử về với lời cảm ơn: "Cảm ơn VCCI đã mời cá nhân tôi tham gia cuộc bình chọn, do tầm quan trọng và đặc biệt là ý nghĩa mà Cuộc bình chọn sẽ mang lại nên dù rất bận, tôi cũng đã vui vẻ nhận lời."

3/ Luật sư Nguyễn Tiến Tài có bài viết: "Đây là một sáng kiến thú vị, vì qua đây chỉ ra được phần nào thực trạng xây dựng pháp luật đáng quan ngại, nhiều nghịch lý ở Việt Nam."

4/ Báo Đại biểu nhân dân có đoạn viết: "...ở khía cạnh nào đó, việc bình chọn 10 quy định tốt nhất, 10 quy định tồi nhất là kênh giám sát tích cực, sát sườn nhất... Về phía các cơ quan chức năng, phải coi đây là dịp tốt để nhìn nhận những mặt tích cực cũng như những gì còn hạn chế, từ đó có giải pháp thích hợp để cải thiện và nâng cao chất lượng văn bản pháp luật."

5/ Đánh giá về cuộc bình chọn đến thời điểm này, luật sư Trương Thanh Đức, thành viên hội đồng bầu chọn, nhận định đây là một cú "tấn công" vào hệ thống pháp luật còn nhiều rối rắm, phức tạp, mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hiện nay của Việt Nam. Một việc nhỏ nhưng sẽ có tác động lớn đến tất cả người soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản pháp luật. Người ta sẽ phải cân nhắc kỹ lưỡng hơn, suy nghĩ chín chắn hơn, thể hiện thận trọng hơn...



VIBONLINE

www.vibonline.com.vn



PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



Chúc Mừng Năm Mới

X U Â N Đ I N H D Â U 2 0 1 7



PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)
BAN PHÁP CHẾ

Số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 043.5770632

www.vibonline.com.vn

[facebook.com/ phapluatvadoanhnghiep](https://facebook.com/phapluatvadoanhnghiep)

xdphapluat.vcci@gmail.com

xdphapluat@vcci.com.vn



VIBONLINE

www.vibonline.com.vn

MEI2016

topten
REGULATIONS